

S69(1)344

NH556N

TÁC LẬP PHÁP

NHỮNG NỘI DUNG
CƠ BẢN CỦA **LUẬT**
XUẤT BẢN
NĂM 2004



NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

S69(1)344
NH556N

ÁC LẬP PHÁP

NHỮNG NỘI DUNG
CƠ BẢN CỦA LUẬT
XUẤT BẢN
NĂM 2004



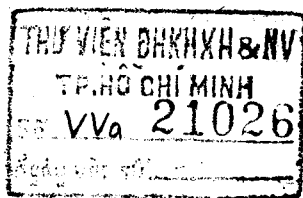
NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA
LUẬT
XUẤT BẢN
Năm 2004

VỤ CÔNG TÁC LẬP PHÁP

§ 69(1) 34

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA
LUẬT
XUẤT BẢN
Năm 2004



NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP
HÀ NỘI - 2005

LỜI GIỚI THIỆU

Qua hơn mười năm thực hiện, các quy định của Luật xuất bản năm 1993 đã nhanh chóng đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng tích cực, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động xuất bản phát triển mạnh cả về tốc độ, quy mô, chất lượng và hiệu quả. Ngành xuất bản đã đáp ứng được nhu cầu đọc của toàn xã hội, nhiều bộ sách có giá trị đã được xuất bản và được dư luận độc giả hoan nghênh. Nhìn chung, hoạt động xuất bản đã góp phần phục vụ tích cực sự nghiệp đổi mới đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, mở rộng giao lưu văn hóa và góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển của sự nghiệp xuất bản trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Luật xuất bản năm 1993 đã bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất bản phát triển đúng định hướng trong thời kỳ mới, đồng thời tăng cường công tác quản lý nhà nước, đề cao trách nhiệm và quyền hạn của chủ thể tham gia hoạt động xuất bản, Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 6 đã thông qua Luật xuất bản năm

2004 trên cơ sở kế thừa, đổi mới những quy định của Luật xuất bản năm 1993.

Để giúp bạn đọc nắm bắt được những nội dung mới, chủ yếu của Luật xuất bản năm 2004, Nhà xuất bản Tư pháp phối hợp với Vụ Công tác lập pháp - Văn phòng Quốc hội xuất bản cuốn sách “Những nội dung cơ bản của Luật xuất bản năm 2004”.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 4/2005

Nhà xuất bản Tư pháp

Phần thứ nhất

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT XUẤT BẢN
NĂM 2004**

I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO SỬA ĐỔI LUẬT XUẤT BẢN

Luật xuất bản được sửa đổi trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo sau đây:

- *Thể chế hóa các quan điểm của Đảng đối với hoạt động xuất bản* được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Chỉ thị số 22/CT-TW ngày 17 tháng 10 năm 1997 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất bản phát triển đúng định hướng chính trị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản lý về hoạt động xuất bản và chất lượng xuất bản phẩm;

- *Tạo sự đồng bộ, thống nhất với các luật khác có liên quan.* Thời gian vừa qua, nhiều đạo luật đã được ban hành với những nội dung mới. Việc sửa đổi Luật xuất bản năm 1993 cũng cần phải phù hợp với những nội dung của các luật khác có liên quan, nhằm tạo sự thống nhất chung trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có

Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư nước ngoài;

- *Kế thừa những quy định còn phù hợp của Luật xuất bản năm 1993, đồng thời bổ sung những quy định mới, cần thiết nhằm đảm bảo yêu cầu phát triển hoạt động xuất bản trong thời kỳ mới; cụ thể hóa những quy định mang tính nguyên tắc và bãi bỏ những quy định lạc hậu hoặc thiếu tính khả thi gây khó khăn, vướng mắc cho cả khâu quản lý và tổ chức thực hiện trong hoạt động xuất bản;*

- *Thể hiện tinh thần cải cách hành chính theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, hình thành cơ chế quản lý mới, phân định rõ và đề cao trách nhiệm, quyền hạn, tính chủ động, sáng tạo của các chủ thể tham gia hoạt động xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.*

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004

Luật xuất bản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2005 (sau đây gọi tắt là Luật xuất bản năm 2004) thay thế Luật xuất bản đã được Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 1993.

Luật xuất bản năm 2004 gồm có 5 chương và 46 điều, cụ thể như sau:

Chương I - Những quy định chung

Chương này gồm có 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật; vị

trí, mục đích của hoạt động xuất bản; khái niệm về xuất bản phẩm; chính sách phát triển sự nghiệp xuất bản; việc quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động xuất bản.

Chương II - Lĩnh vực xuất bản

Chương này gồm có 20 điều (từ Điều 11 đến Điều 30) quy định về đối tượng, điều kiện được thành lập nhà xuất bản và việc cấp phép thành lập nhà xuất bản; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của giám đốc, tổng biên tập, biên tập viên nhà xuất bản; nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chủ quản nhà xuất bản; việc liên kết trong hoạt động xuất bản; việc đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam; việc xuất bản trên mạng thông tin máy tính (Internet); về quy định ghi thông tin và quảng cáo trên xuất bản phẩm; về xuất bản tài liệu không kinh doanh của cơ quan, tổ chức Việt Nam và xuất bản tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam; việc thẩm định nội dung tác phẩm trước khi tái bản; về việc nộp xuất bản phẩm lưu chiếu và đọc xuất bản phẩm lưu chiếu; về xử lý vi phạm trong lĩnh vực xuất bản.

Chương III - Lĩnh vực in xuất bản phẩm

Chương này gồm có 6 điều (từ Điều 31 đến Điều 36) quy định về việc cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; hoạt động của cơ sở in xuất bản phẩm; điều kiện nhận in xuất bản phẩm; in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài; phát hiện xuất bản phẩm vi phạm trong quá trình in và xử lý vi phạm trong lĩnh vực in xuất bản phẩm.

Chương IV - Lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm

Chương này gồm có 8 điều (từ Điều 37 đến Điều 44) quy định về hoạt động phát hành xuất bản phẩm; điều kiện cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và xuất khẩu xuất bản phẩm; hoạt động triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm; hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm; xử lý vi phạm trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm.

Chương V - Điều khoản thi hành

Chương này gồm có 2 điều (Điều 45 và Điều 46) quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm hướng dẫn thi hành Luật.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Luật xuất bản (Điều 1 và Điều 2)

Xác định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng là cơ sở đầu tiên để áp dụng đúng đắn quy định của Luật xuất bản nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội cụ thể.

- Phạm vi điều chỉnh trong Luật xuất bản năm 1993 được quy định tại phần Lời nói đầu và Điều 4 của Luật. Kế thừa nội dung các quy định này và thể hiện lại một cách tập trung và rõ ràng hơn, tại Điều 1 Luật xuất bản năm 2004 quy định về phạm vi điều chỉnh như sau:

“Luật này quy định về tổ chức và hoạt động xuất bản; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất bản.

Hoạt động xuất bản bao gồm các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm”.

Như vậy, Luật xuất bản năm 2004 vẫn giữ nguyên phạm vi điều chỉnh bao gồm cả *ba lĩnh vực là xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm* như tại Điều 4 của Luật xuất bản năm 1993, bởi vì, xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm là các lĩnh vực có quan hệ mật thiết với nhau, là ba khâu quan trọng, không thể thiếu được để tạo ra xuất bản phẩm nhằm phục vụ công tác văn hoá tư tưởng. Tuy nhiên, điểm mới của Luật xuất bản năm 2004 là ở việc điều chỉnh một cách toàn diện lĩnh vực xuất bản, còn lĩnh vực in và phát hành thì chỉ điều chỉnh khi liên quan đến xuất bản phẩm.

Hoạt động xuất bản, hiểu theo nghĩa rộng, là quá trình *tổ chức các nguồn lực xã hội trong việc sáng tạo tác phẩm, in, nhân bản các tác phẩm, phổ biến đến nhiều người nhằm đạt hiệu quả kinh tế, chính trị và xã hội⁽¹⁾*. Hoạt động xuất bản quy định tại Luật xuất bản năm 2004 bao gồm ba lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm được hiểu theo nghĩa hẹp. Điều này có ý nghĩa quan trọng, giúp cho các quy định của Luật có “địa chỉ” cụ thể và có tính khả thi hơn trong thực tế, tránh mâu thuẫn, chồng chéo với các văn

⁽¹⁾ Vũ Mạnh Chu, *Đổi mới và hoàn thiện pháp luật xuất bản theo định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1997, tr.13.

bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Về đối tượng áp dụng, Luật xuất bản năm 1993 không quy định rõ đối tượng áp dụng. Khắc phục hạn chế này, Luật xuất bản năm 2004 đã xác định cụ thể đối tượng áp dụng tại Điều 2 như sau:

“Luật này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, cá nhân); tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam; trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.”

Như vậy, đối tượng áp dụng của Luật xuất bản năm 2004 đã được mở rộng, bao gồm cả tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam. Điều này thể hiện quan điểm phát huy mọi nguồn lực trong xã hội tham gia vào hoạt động xuất bản nhằm phát triển ngành xuất bản trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

2. Vị trí, mục đích của hoạt động xuất bản (Điều 3)

Từ trước đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn đánh giá cao vị trí, vai trò và những đóng góp của hoạt động xuất

bản trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc, đồng thời, tạo điều kiện và có cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển hoạt động xuất bản. Hoạt động xuất bản đã trực tiếp tham gia truyền bá và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong nền kinh tế thị trường, các chủ thể tham gia hoạt động xuất bản vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị vừa tham gia sản xuất kinh doanh và phải tích lũy để đầu tư phát triển. Trên thực tế, Nhà nước hầu như không bao cấp cho các nhà xuất bản như trước. Tuy nhiên, xem xét vị trí, mục đích của hoạt động xuất bản cần bắt nguồn từ việc nhận thức sâu sắc về giá trị đặc trưng mà những sản phẩm của hoạt động này mang lại cho xã hội. *Sản phẩm của xuất bản là những hàng hoá đặc biệt.* Ngoài giá trị sử dụng, giá trị trao đổi giống như các sản phẩm vật chất khác, sản phẩm của xuất bản còn có *giá trị đạo đức, giá trị thẩm mỹ, giá trị văn hoá..., có ảnh hưởng, có sức lan toả rộng lớn, tác động mạnh mẽ và định hướng cho quá trình hình thành nhân cách, lối sống, tư tưởng, đạo đức của con người.* Về phương diện văn hoá, tư tưởng, xuất bản phẩm, đặc biệt là sách, là những sản phẩm tinh thần, kết tinh trong đó thành quả lao động sáng tạo của con người, vì con người. Chính vì giá trị lớn lao này mà ở nhiều nước trên thế giới, phần lớn sản phẩm văn hoá thông tin, trong đó có xuất bản phẩm được liệt kê vào loại hàng hoá công cộng.

Xuất phát từ đặc trưng nêu trên của hoạt động xuất bản, Điều 3 Luật xuất bản năm 2004 vẫn tiếp tục nhấn

mạnh vị trí của hoạt động xuất bản là “thuộc lĩnh vực văn hoá, tư tưởng” như quy định tại Điều 1 Luật xuất bản năm 1993.

Với vị trí là hoạt động “*thuộc lĩnh vực văn hoá, tư tưởng*”, hoạt động xuất bản hướng tới mục đích “*thông qua việc sản xuất, phổ biến những xuất bản phẩm đến nhiều người nhằm giới thiệu tri thức thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội, giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, xây dựng đạo đức và lối sống tốt đẹp của người Việt Nam, mở rộng giao lưu văn hóa với các nước, phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành vi làm tổn hại lợi ích quốc gia, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*”

Tri thức thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội ở đây bao gồm cả tri thức trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội như tri thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật...

Việc xác định chính xác vị trí, mục đích của hoạt động xuất bản sẽ tạo cơ sở cho việc hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động xuất bản phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ của hoạt động xuất bản, làm cho xuất bản luôn là công cụ sắc bén của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực văn hoá, tư tưởng. Vấn đề này có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn hiện nay cũng như về lâu dài, khi cuộc đấu tranh về chính trị, tư tưởng, những tác động từ mặt trái của cơ chế thị

trường và sự chống phá của các thế lực thù địch đã và đang diễn ra gay gắt và phức tạp.

3. Xuất bản phẩm (Điều 4)

“*Xuất bản phẩm*” là khái niệm trọng tâm, là xuất phát điểm cho các quy định khác của Luật xuất bản. Trong thế kỷ XXI, cuộc cách mạng khoa học, công nghệ với những bước phát triển nhanh chóng đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động xuất bản, trước hết là công nghệ biên tập các xuất bản phẩm, dẫn đến sự ra đời của nhiều loại hình xuất bản phẩm mới với những tính năng, công dụng mới, bằng những phương tiện, vật liệu mới. Vì vậy, việc đưa ra một khái niệm phản ánh đúng tính chất và đặc điểm của xuất bản phẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chính xác phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật xuất bản. Khái niệm này đồng thời phải mang tính dự báo, tính khoa học và tính khái quát cao, phù hợp với thực tiễn không ngừng biến đổi hiện nay.

Với tinh thần đó, Điều 4 Luật xuất bản năm 2004 quy định: “*Xuất bản phẩm là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài và còn được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh trên các vật liệu, phương tiện kỹ thuật khác nhau.*”

Theo quy định này, *xuất bản phẩm có những đặc trưng cơ bản sau đây:*

- Xuất bản phẩm là tác phẩm, tài liệu chứa đựng nội

dung về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn học nghệ thuật;

- Về hình thức thể hiện, xuất bản phẩm được thể hiện bằng ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài), hình ảnh, âm thanh;

- Vật liệu để sản xuất ra xuất bản phẩm rất đa dạng như giấy các loại, băng từ, đĩa CD, VCD, DVD và những dạng thức khác của vật mang tin. Các dạng thức này có mối quan hệ ràng buộc với công nghệ sản xuất ra xuất bản phẩm từ thô sơ như viết trên da thú, trên mảnh tre... cho đến sách điện tử, trong đó, xuất bản phẩm trên giấy được tạo ra bởi các phương pháp in ấn khác nhau (in thạch, in đá, in typô, in ốp xết, in ống đồng, in lưới...) là các xuất bản phẩm ra đời từ rất sớm và tồn tại lâu đời nhất.

Như vậy, xuất bản phẩm theo quy định của Luật xuất bản năm 2004 có phạm vi rất rộng, ngoài sách và những sản phẩm theo truyền thống được in trên giấy còn bao gồm cả những sản phẩm nhân bản bằng kỹ thuật ghi âm thanh, ghi hình... trên băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình, sách điện tử, đĩa CD-ROM,... Đây là một cách hiểu về xuất bản phẩm phù hợp với thực tế hoạt động xuất bản hiện nay, khi khoa học, công nghệ đã có những bước tiến vượt bậc và sách không còn là công cụ “độc quyền” trong việc chuyển tải những giá trị văn hoá, thẩm mỹ trong đời sống xã hội mà bên cạnh đó còn có những phương thức khác như băng, đĩa, đặc biệt là Internet. Công nghệ mới cho phép các tác giả có cơ hội công bố đầy đủ mọi sáng tác của mình theo cách thức phù hợp và tốt nhất có thể, đồng

thời cho phép đông đảo công chúng tiếp cận một cách nhanh chóng với tác phẩm của tác giả. Những tiến bộ của khoa học, công nghệ đã buộc chúng ta phải có sự thay đổi trong cách hiểu về những khái niệm truyền thống, trong đó có cách hiểu về xuất bản phẩm, bởi ngành xuất bản giờ đây không chỉ gắn liền với sách và những sản phẩm dưới dạng sách nữa.

Theo quy định của Luật xuất bản năm 2004, xuất bản phẩm bao gồm *tác phẩm và tài liệu* (được thể hiện bằng ngôn ngữ hoặc các phương tiện kỹ thuật khác nhau). Để có cách hiểu thống nhất và dễ áp dụng quy định này trong thực tế, Luật xuất bản năm 2004 quy định rõ: *“tài liệu theo quy định của Luật này bao gồm tài liệu tuyên truyền, cổ động, hướng dẫn học tập, thi hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn kỹ thuật sản xuất; phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kỹ yếu hội thảo”*.

4. Bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm và bảo hộ quyền tác giả trong hoạt động xuất bản (Điều 5 và Điều 19)

Các văn nghệ sỹ, nhà khoa học, bằng lao động nghệ thuật và nghiên cứu khoa học của mình, đã sáng tạo ra các tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình khoa học, nhưng những thành tựu đó mới chỉ là những sản phẩm riêng lẻ, phổ biến ở phạm vi hẹp. Trong khi đó, các tác giả luôn mong muốn truyền bá, phổ biến ý tưởng sáng tạo của mình cho công chúng cùng thưởng thức, chia sẻ và áp dụng vào cuộc sống. Ngược lại, công chúng cũng mong muốn được tiếp nhận nhanh chóng và thuận tiện tác phẩm, công trình khoa học bởi đó là những sản phẩm tinh thần chứa đựng

hiều giá trị thẩm mỹ, giáo dục và tri thức của nhân loại. Hoạt động xuất bản ra đời đã góp phần đáp ứng một phần lớn nhu cầu tất yếu đó của xã hội. Vì vậy, có thể nói, xuất bản phẩm nói chung, xuất bản sách nói riêng chính là *“thế vật chất đã xã hội hoá các giá trị lao động của văn nghệ sỹ, tri thức từ tác phẩm của họ”*⁽²⁾.

Vì vậy, để việc phổ biến tác phẩm được thuận lợi, dễ dàng, đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của những chủ thể có quyền đối với tác phẩm khi tác phẩm đó được công bố, phổ biến, chống lại mọi hành vi xâm phạm, Điều 5 Luật xuất bản năm 2004 quy định: *“Nhà nước bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm dưới hình thức xuất bản phẩm thông qua nhà xuất bản và bảo hộ quyền tác giả”*. Tuy nhiên, để tránh việc lợi dụng chính sách thông thoáng của Nhà nước trong hoạt động xuất bản, phổ biến những tác phẩm có nội dung không lành mạnh, gây thiệt hại cho lợi ích của quốc gia, dân tộc, lợi ích của cá nhân công dân, khoản 3 Điều 5 cũng quy định: *“Không một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào được lợi dụng quyền phổ biến tác phẩm làm thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.”*

Trong tình hình hiện nay, để phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, đề cao tính chủ động và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của các chủ thể tham gia hoạt động xuất bản, Luật xuất bản năm 2004 tiếp tục khẳng định chủ

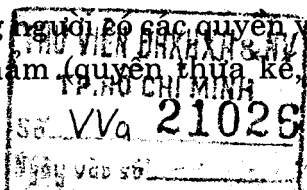
⁽²⁾ Vũ Mạnh Chu, *Đổi mới và hoàn thiện pháp luật xuất bản theo định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1997, tr.16.

trường “Nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản”. Đồng thời, để bảo đảm sự thống nhất của Luật xuất bản với các văn bản luật mới ban hành trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Luật báo chí, Luật xuất bản năm 2004 đã bỏ đoạn “trừ trường hợp cần thiết do Thủ tướng Chính phủ quyết định”. Việc bảo đảm chất lượng, nội dung của các xuất bản phẩm trước khi xuất bản được thể hiện trong các quy định cụ thể về trách nhiệm của Giám đốc, Tổng biên tập, trách nhiệm của cơ quan chủ quản nhà xuất bản, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản trong việc đọc lưu chiếu xuất bản phẩm và quy định về những hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản.

Có thể nói, đây là quy định thể hiện rõ tinh thần đổi mới trong xây dựng pháp luật và tinh thần cải cách hành chính, tiến tới “người dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” và tăng cường cơ chế “hậu kiểm” trong lĩnh vực xuất bản của các cơ quan quản lý nhà nước.

Song song với việc ghi nhận và bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm dưới hình thức xuất bản phẩm thông qua nhà xuất bản, pháp luật cũng ghi nhận và bảo vệ quyền tác giả khi tham gia hoạt động xuất bản.

Theo quy định của pháp luật dân sự, quyền tác giả là hệ thống các quyền nhân thân và quyền tài sản được pháp luật công nhận và bảo hộ đối với tác giả của tác phẩm, chủ sở hữu tác phẩm, những người sử dụng hợp pháp tác phẩm, những người có sắc quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến tác phẩm (quyền thừa kế, quyền kế cận, quyền tác giả...)



như quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, quyền công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm của tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm; quyền được hưởng lợi ích vật chất từ việc sử dụng tác phẩm dưới các hình thức xuất bản, tái bản, triển lãm, dịch, phóng tác... của chủ sở hữu tác phẩm không đồng thời là tác giả...

Quyền tác giả và quyền phổ biến tác phẩm có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Các tác phẩm của tác giả là những sản phẩm trí tuệ và mang tính vô hình. Chúng ta không thể nhận biết được những sáng tạo đó nếu chúng không được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định. Tác giả chỉ có thể chiếm hữu hoàn toàn nếu không phổ biến tác phẩm ra công chúng, nhưng khi tác phẩm đã được công bố, nó sẽ có sức lan toả nhanh chóng. Trong điều kiện các phương tiện, kỹ thuật về in ấn, nhân bản... phát triển vượt bậc như hiện nay, việc phổ biến tác phẩm đến nhiều người càng trở nên đơn giản và dễ dàng. Song song với việc phổ biến tác phẩm, những hành vi xâm phạm quyền tác giả cũng xuất hiện nhiều và đa dạng hơn. Bảo hộ quyền tác giả nói riêng và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung trở thành yêu cầu cấp thiết trong điều kiện phát triển nền kinh tế tri thức. Do đó, để hoạt động xuất bản đi vào ổn định, Nhà nước cần quản lý có hiệu quả vấn đề bản quyền tác giả.

Vấn đề bảo hộ quyền tác giả trong hoạt động xuất bản được quy định tại Điều 5 Luật xuất bản năm 1993 và được cụ thể hoá tại Điều 3 Nghị định 79/CP, trong đó nêu rõ:

“Tác giả có quyền phổ biến tác phẩm thông qua nhà xuất bản, đứng tên xuất bản phẩm; hưởng nhuận bút theo hợp đồng với nhà xuất bản; cho người khác sử dụng, sửa chữa, chú thích, dịch, chuyển thể, để thừa kế tác phẩm của mình và hưởng các quyền khác theo quy định về quyền tác giả.

Nhà nước bảo hộ quyền tác giả.

Tác giả có quyền khiếu nại với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, khởi kiện trước Tòa án khi quyền tác giả bị vi phạm”.

Luật xuất bản năm 2004 đã kế thừa những quy định này và khẳng định tại Điều 5 như sau: Nhà nước “*bảo hộ quyền tác giả*”. Đồng thời, nhằm góp phần cụ thể hoá về quyền tác giả trong lĩnh vực xuất bản, Điều 19 Luật xuất bản quy định:

“Việc xuất bản tác phẩm, tái bản xuất bản phẩm chỉ được thực hiện sau khi có hợp đồng với tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm theo quy định của pháp luật.”

Như vậy, việc xuất bản, tái bản xuất bản phẩm phải được thực hiện theo những thoả thuận trong hợp đồng giữa các bên về một số vấn đề như hình thức sử dụng tác phẩm, phạm vi, thời hạn sử dụng tác phẩm, mức nhuận bút, thù lao, phương thức thanh toán, trách nhiệm của các bên... Theo đó, chỉ những nhà xuất bản đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm mới có quyền cho phép nhà xuất bản khác xuất bản, tái bản những tác phẩm thuộc sở hữu của mình. Quan niệm tồn tại từ lâu nay là sách đã xuất bản tại nhà xuất bản này, khi nhà xuất bản khác muốn tái bản cần được sự

đồng ý của nhà xuất bản đã xuất bản là không phù hợp với pháp luật nếu như nhà xuất bản đó không phải là chủ sở hữu đối với tác phẩm.

5. Chính sách phát triển sự nghiệp xuất bản (Điều 6)

Xuất bản là hoạt động do con người sáng tạo ra và phục vụ lợi ích của con người, phản ánh sự phát triển nhiều mặt của xã hội loài người. Xuất bản đã ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ và không ngừng phát triển, trở thành một ngành kinh tế có vị trí thiết yếu trong nền kinh tế quốc dân. Xây dựng và phát triển sự nghiệp xuất bản, do đó, là nhiệm vụ có tính chiến lược và là đòi hỏi tất yếu của mỗi quốc gia nhằm nâng cao dân trí, phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân và giao lưu văn hoá với các nước khác trên thế giới.

Thể chế đường lối, chủ trương của Đảng ta nhằm tăng cường và phát triển hoạt động xuất bản, Luật xuất bản năm 1993 đã quy định một số chính sách phát triển sự nghiệp xuất bản tại Điều 3 và Điều 6, cụ thể là:

“Nhà nước có chính sách tài trợ, đặt hàng, mua bản thảo đối với việc sáng tạo và phổ biến tác phẩm có giá trị; đầu tư cho việc ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng hoạt động xuất bản” (đoạn 2 Điều 3).

“Nhà nước đầu tư phát triển hệ thống thư viện; khuyến khích và tạo điều kiện xuất bản các tác phẩm có giá trị; có chính sách ưu đãi đối với các xuất bản phẩm phục vụ các dân tộc thiểu số, thiếu niên, nhi đồng và lực lượng vũ trang” (đoạn 2 Điều 6).

Thời gian qua, những chính sách nói trên đã đi vào cuộc sống, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành xuất bản cũng như bảo đảm công bằng trong hưởng thụ văn hoá của mọi tầng lớp nhân dân trên cả nước. Tuy nhiên, để tránh tình trạng quy định chính sách phát triển sự nghiệp xuất bản một cách tản mạn trong nhiều văn bản (mà chủ yếu là các văn bản dưới luật), Điều 6 Luật xuất bản năm 2004 khẳng định: *“Nhà nước có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện xây dựng ngành xuất bản trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật phát triển toàn diện”*, đồng thời, quy định cụ thể những chính sách ưu đãi của Nhà nước trong lĩnh vực xuất bản, bao gồm:

- Chính sách đặt hàng được áp dụng đối với các loại hình xuất bản phẩm sau:

- + Xuất bản phẩm về lý luận, chính trị;
- + Xuất bản phẩm phục vụ thiếu niên, nhi đồng, đồng bào dân tộc thiểu số, người khiếm thị;
- + Xuất bản phẩm cần phổ biến rộng rãi nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội trọng yếu và thông tin đối ngoại.

- Chính sách trợ cước vận chuyển được áp dụng đối với những loại hình xuất bản phẩm sau:

- + Xuất bản phẩm cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- + Xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại;
- + Xuất bản phẩm phục vụ đồng bào miền núi, hải đảo.

- *Chính sách mua bản thảo* được áp dụng đối với những tác phẩm có giá trị nhưng thời điểm xuất bản chưa thích hợp hoặc đối tượng sử dụng hạn chế.

- *Chính sách hỗ trợ mua bản quyền* được áp dụng đối với tác phẩm trong nước và nước ngoài có giá trị phục vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Luật xuất bản năm 2004 *giao cho Chính phủ quy định cụ thể việc thực hiện các chính sách nêu trên.*

Chính sách phát triển sự nghiệp xuất bản quy định trong Luật xuất bản năm 2004 đã thể hiện rõ tư tưởng chỉ đạo và định hướng phát triển ngành xuất bản được đề cập trong Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25 tháng 8 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản”, cụ thể là: “*hoạt động xuất bản phải coi trọng việc phục vụ nhiệm vụ chính trị, tư tưởng, đáp ứng nhu cầu đọc của nhân dân, đồng thời phải thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh, xây dựng ngành xuất bản thành một ngành kinh tế - công nghệ phát triển toàn diện, vững chắc*”⁽³⁾.

6. Quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (Điều 7 và Điều 8)

Những tiến bộ vượt bậc trong công nghệ in ấn, phát hành, công nghệ tin học ngày nay đã giúp cho các nhà xuất

⁽³⁾ Dẫn theo Vân Anh - Hoàng Thủy, *Dự thảo Luật xuất bản năm 2004 tạo điều kiện cho hoạt động xuất bản phát triển trong tình hình mới*, Tạp chí Xuất bản Việt Nam, số 10 năm 2004, tr. 20.

bản, các cơ sở in... có thể nhanh chóng đưa xuất bản phẩm đến với công chúng bằng những phương pháp, hình thức tiên tiến và hết sức đa dạng. Nếu như trước đây, để có một cuốn sách 200 trang in theo công nghệ sắp chữ rời (in tipô) phải mất ít nhất nửa năm thì bây giờ, công nghệ sắp chữ điện tử cho phép chế bản nhanh chóng chỉ trong khoảng một vài tuần và có thể phổ biến trên mạng cho cả thế giới một cách dễ dàng. Tuy nhiên, cũng chính vì thế, nhiều người đã lợi dụng những thành tựu của khoa học công nghệ để vi phạm pháp luật nhằm thu lợi nhuận bất chính. Tình hình này đặt công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trước những yêu cầu và thử thách không nhỏ để có thể vừa tạo điều kiện, hỗ trợ cho sự phát triển của ngành xuất bản, vừa hạn chế vi phạm và bảo đảm cho hoạt động xuất bản phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các quy định về quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản của Luật xuất bản năm 2004 được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu đó.

Quản lý nhà nước về xuất bản được quy định tại Luật xuất bản năm 1993 trong Chương “Quản lý nhà nước về xuất bản”.

Thực hiện phương châm đổi mới công tác lập pháp và để kết cấu của Luật xuất bản năm 2004 phù hợp với các văn bản luật mới được ban hành, các quy định của Chương này không còn được nhóm trong một chương mà đã được đưa vào các chương, điều luật khác nhằm cụ thể hoá các quy định về quản lý nhà nước trong hoạt động xuất bản.

Trên tinh thần đẩy mạnh việc phân cấp quản lý, Luật

xuất bản năm 2004 quy định phạm vi quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản như sau:

- *Chính phủ* thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trong phạm vi cả nước;

- *Bộ Văn hóa - Thông tin* chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản;

- *Các bộ, cơ quan ngang bộ* phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo thẩm quyền;

- *Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương* thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tại địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ.

Luật xuất bản năm 2004 cũng quy định việc quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản bao gồm những nội dung sau:

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản; ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về hoạt động xuất bản;

- Quản lý công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong hoạt động xuất bản; đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động xuất bản;

- Quản lý hợp tác quốc tế trong hoạt động xuất bản;

- Tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiếu;

- Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản;

in - Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật trong hoạt động xuất bản; tuyển chọn và trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị cao.

7. Khiếu nại, tố cáo trong hoạt động xuất bản (Điều 9)

Khiếu nại, tố cáo là quyền quan trọng của công dân. Để bảo đảm phát hiện và xử lý kịp thời, chính xác những hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động xuất bản, Điều 9 Luật xuất bản năm 2004 quy định: “*cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại các quyết định, hành vi trái pháp luật; cá nhân có quyền tố cáo các hành vi trái pháp luật trong hoạt động xuất bản. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khiếu nại, tố cáo của mình*”. Quyền và nghĩa vụ cụ thể của người khiếu nại, tố cáo, người bị khiếu nại, tố cáo, thẩm quyền, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo... được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Luật xuất bản năm 2004 cũng quy định: cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản, tác giả cải chính trên báo chí, bồi thường thiệt hại, khởi kiện về dân sự hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền khởi tố về hình sự khi xuất bản phẩm có nội dung sai sự thật, vu khống, xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

8. Những hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản (Điều 10)

Để đảm bảo sự phát triển lành mạnh của hoạt động xuất bản, ngăn ngừa những hành vi vi phạm pháp luật và chống lại việc lợi dụng hoạt động xuất bản của những phần tử xấu trong xã hội, Điều 10 Luật xuất bản năm 2004 đã quy định cụ thể về những hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản. Theo đó, *những hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản bao gồm:*

- Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Tuyên truyền, kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; kích động bạo lực; truyền bá tư tưởng phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;

- Tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

- Xuyên tạc sự thật lịch sử; phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.

9. Nhà xuất bản và cơ quan chủ quản nhà xuất bản

9.1. Đối tượng được thành lập nhà xuất bản (Điều 11)

Theo Điều 9 Luật xuất bản năm 1993 thì nhà xuất bản

là tổ chức thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động theo đúng tính chất và mục đích của hoạt động xuất bản.

Thực tế trong những năm qua, do nhu cầu xuất bản một số tổ chức không thuộc diện quy định tại Điều 9 Luật xuất bản năm 1993 như tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp đã được phép thành lập nhà xuất bản và những nhà xuất bản này đều thể hiện được vai trò của mình trong đời sống xã hội như Nhà xuất bản Hội nhà văn, Nhà xuất bản Mỹ thuật, Nhà xuất bản Sân khấu... Mặt khác, do đất nước ta đang có những bước tăng trưởng nhanh về kinh tế - xã hội nên nhu cầu nâng cao dân trí, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân ngày càng lớn. Để đáp ứng đòi hỏi đó, sự nghiệp xuất bản chắc chắn sẽ có những bước phát triển mới, trong đó sẽ xuất hiện nhiều cơ quan, tổ chức khác ngoài các tổ chức thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Vì vậy, Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung quy định: *“và các tổ chức khác do Chính phủ quy định được thành lập nhà xuất bản”*. Quy định này sẽ tạo cơ sở pháp lý để vào thời điểm thích hợp, Chính phủ có thể cho phép các tổ chức khác được thành lập nhà xuất bản.

Bên cạnh việc bổ sung đối tượng được thành lập nhà xuất bản, tại Điều 11 Luật xuất bản năm 2004 còn xác định tư cách pháp lý của nhà xuất bản, đó là *tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện hoặc đơn vị sự nghiệp có thu*.

9.2. Điều kiện thành lập nhà xuất bản (Điều 12)

Luật xuất bản năm 1993 đã quy định một số vấn đề về

nhà xuất bản như nhà xuất bản bao gồm những đối tượng nào; tổ chức và hoạt động theo loại hình gì; tiêu chuẩn, trách nhiệm của giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản ra sao; thủ tục thành lập nhà xuất bản như thế nào; khi thay đổi tên, tôn chỉ, mục đích của nhà xuất bản, thay đổi giám đốc, tổng biên tập, trụ sở nhà xuất bản thì nhà xuất bản phải làm gì. Tuy nhiên, Luật xuất bản năm 1993 chưa quy định điều kiện thành lập nhà xuất bản. Chính vì vậy, để tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm sự chính xác, công bằng trong việc thành lập nhà xuất bản, Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung Điều 12 quy định về nội dung này, cụ thể như sau:

Việc thành lập nhà xuất bản phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản;

- Có người lãnh đạo nhà xuất bản đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 14 và đội ngũ biên tập viên đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật xuất bản.

Với quy định này thì giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản phải là công dân Việt Nam; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam; có trình độ đại học, trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về xuất bản và phẩm chất chính trị, đạo đức tốt. Còn biên tập viên nhà xuất bản phải là công dân Việt Nam; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam; có trình độ đại học, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về xuất bản và phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.

- Trong các chức danh lãnh đạo nhà xuất bản phải có ít

nhất một người hoạt động trong lĩnh vực xuất bản từ ba năm trở lên;

- Có trụ sở hoạt động, vốn và các điều kiện cần thiết khác theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản toàn quốc, quy hoạch của từng ngành, từng địa phương.

9.3. Tiêu chuẩn của giám đốc, tổng biên tập và biên tập viên của nhà xuất bản (Điều 14 và Điều 15)

9.3.1. Tiêu chuẩn của giám đốc, tổng biên tập của nhà xuất bản (Điều 14)

Theo quy định tại Điều 14 Luật xuất bản năm 2004, một người được tuyển chọn làm giám đốc, tổng biên tập của nhà xuất bản phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: là công dân Việt Nam, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam, có trình độ đại học, trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về xuất bản và phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.

So với Luật xuất bản năm 1993, thì tiêu chuẩn tuyển chọn giám đốc, tổng biên tập của nhà xuất bản trong Luật xuất bản năm 2004 quy định chặt chẽ, cụ thể hơn về yêu cầu đối với trình độ, năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức của giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản. Như vậy, những tiêu chuẩn này được ghi cụ thể ngay trong luật mà không giao cho Chính phủ quy định như Luật xuất bản năm 1993.

9.3.2. Tiêu chuẩn của biên tập viên của nhà xuất bản (Điều 15)

Biên tập viên là người có vai trò quan trọng trong việc

đảm bảo các tác phẩm được xuất bản theo đúng tôn chỉ, mục đích của nhà xuất bản, phát hiện và ngăn chặn những tác phẩm có nội dung xấu hoặc không phù hợp. Có thể khẳng định như vậy bởi, trước khi giám đốc duyệt cho xuất bản tác phẩm, là cả một quá trình làm việc của biên tập viên, biên tập viên tham gia tổ chức bản thảo, xây dựng đề cương với tác giả, biên tập bản thảo.

Mặc dù, biên tập viên có vai trò quan trọng trong việc quyết định đến chất lượng cũng như uy tín của nhà xuất bản, nhưng Luật xuất bản năm 1993 đã không có quy định về tiêu chuẩn của biên tập viên nhà xuất bản. Chính vì vậy, trong thời gian qua, trình độ đội ngũ biên tập viên của nước ta chưa đồng đều, đôi lúc còn xảy ra thiếu sót trong quá trình biên tập. Trước thực tế đó, Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung Điều 15 quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của biên tập viên nhà xuất bản.

9.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của giám đốc, tổng biên tập và biên tập viên của nhà xuất bản (Điều 14 và Điều 15)

9.4.1 Nhiệm vụ, quyền hạn của giám đốc nhà xuất bản (khoản 2 Điều 14)

Đối chiếu với quy định tại Điều 11 Luật xuất bản năm 1993 thì Luật xuất bản năm 2004 có bổ sung một số quyền cho giám đốc nhà xuất bản nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn để giám đốc chủ động thực hiện công việc của nhà xuất bản. Cụ thể là, bổ sung quyền được xây dựng bộ máy tổ chức và nhân lực của nhà xuất bản; xây dựng và tổ chức kế hoạch xuất bản; ký quyết định xuất bản đối với từng bản

thảo trên cơ sở kế hoạch xuất bản đã đăng ký; ký duyệt xuất bản phẩm trước khi phát hành; quản lý tài sản và cơ sở vật chất của nhà xuất bản.

Ngoài việc bổ sung một số quyền như đã nêu trên, Luật xuất bản năm 2004 còn giao thêm cho giám đốc nhà xuất bản có quyền định giá, điều chỉnh giá bán lẻ xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật, kể cả xuất bản phẩm liên kết.

Hiện nay, giá xuất bản phẩm đang bị thả nổi, nhiều nhà xuất bản và cả cơ quan quản lý nhà nước chưa có biện pháp quản lý giá xuất bản phẩm. Những loại xuất bản phẩm liên doanh, liên kết của nhà xuất bản với tư nhân thường do tư nhân quyết định giá, quyết định tỷ lệ chiết khấu phát hành, gây nhiều loạn về giá. Trên thực tế, giám đốc nhà xuất bản là người có điều kiện thuận lợi để xác định đúng giá trị của từng xuất bản phẩm sẽ đưa ra thị trường và tính toán chi phí sản xuất, nhuận bút của tác giả, phí phát hành xuất bản phẩm một cách chính xác và trực tiếp. Vì vậy, việc bổ sung quyền định giá, điều chỉnh giá bán lẻ xuất bản phẩm cho giám đốc nhà xuất bản là một việc hết sức cần thiết.

Đồng thời với việc bổ sung quyền cho giám đốc nhà xuất bản, Luật xuất bản năm 2004 cũng đã bổ sung quy định về trách nhiệm của giám đốc nhà xuất bản. *Giám đốc nhà xuất bản không chỉ chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm của nhà xuất bản như quy định tại Điều 11 Luật xuất bản năm 1993 mà còn phải chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản về xuất bản phẩm và mọi hoạt động*

của nhà xuất bản. Điều này hoàn toàn hợp lý, bởi cơ quan chủ quản nhà xuất bản là cơ quan, tổ chức đứng tên xin phép thành lập nhà xuất bản và chịu trách nhiệm về những hành vi vi phạm pháp luật của nhà xuất bản trong hoạt động xuất bản.

9.4.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổng biên tập nhà xuất bản (khoản 3 Điều 14)

Luật xuất bản năm 2004 đã tách riêng một khoản và quy định rất cụ thể quyền hạn và nhiệm vụ của tổng biên tập nhà xuất bản. Luật xuất bản năm 1993 chỉ quy định tổng biên tập nhà xuất bản chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm của nhà xuất bản. So với Luật xuất bản năm 1993 thì Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung quyền cho tổng biên tập nhà xuất bản, cụ thể là: tổng biên tập nhà xuất bản có quyền giúp giám đốc nhà xuất bản xây dựng kế hoạch xuất bản; tổ chức bản thảo; tổ chức biên tập bản thảo; đọc duyệt bản thảo trước khi trình giám đốc nhà xuất bản. Còn về nghĩa vụ, Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung quy định: tổng biên tập nhà xuất bản chỉ liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm của nhà xuất bản, chứ không phải chịu trách nhiệm về cả nội dung lẫn hình thức xuất bản phẩm như quy định của Luật xuất bản năm 1993.

9.4.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của biên tập viên nhà xuất bản (Điều 15)

Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 thì *biên tập viên nhà xuất bản có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:*

Được đứng tên trên xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 26 Luật xuất bản;

- Được khước từ biên tập những tác phẩm mà nội dung có dấu hiệu vi phạm quy định tại Điều 10 Luật xuất bản và báo cáo với giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản;

- Chịu trách nhiệm trước giám đốc nhà xuất bản và trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm do mình biên tập.

Việc bổ sung quy định này là hết sức cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý để biên tập viên thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

9.5. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chủ quản nhà xuất bản (Điều 13)

Cơ quan chủ quản nhà xuất bản là cơ quan, tổ chức đứng tên xin phép thành lập nhà xuất bản.

Luật xuất bản năm 2004 đã bỏ quy định cơ quan chủ quản có quyền xét duyệt kế hoạch đề tài (quyền này theo Luật xuất bản năm 1993 được quy định tại khoản 1 Điều 10). Việc bỏ quy định này là hoàn toàn phù hợp với thực tế bởi kế hoạch đề tài và kế hoạch xuất bản thực chất chỉ là một. Kế hoạch đề tài là loại văn bản mà trong đó nội dung thể hiện cơ cấu các loại sách thuộc từng mảng đề tài. Còn kế hoạch xuất bản là một loại văn bản thể hiện danh mục các đầu sách (tên sách) cần xuất bản. Bản thân các danh mục đầu sách này đã chứa đựng thông tin đầy đủ về các loại đề tài. Như vậy, trong bản kế hoạch xuất bản chỉ cần yêu cầu nhà xuất bản sắp xếp các đầu sách theo cơ cấu đề tài thì không phải có thêm bản kế hoạch đề tài như quy

định tại Luật xuất bản năm 1993. Hơn nữa, trên thực tế, trong những năm qua, phần lớn các nhà xuất bản cũng chỉ chuẩn bị bản kế hoạch xuất bản theo hướng trên.

Ngoài ra, Luật xuất bản năm 2004 còn bổ sung một số quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan chủ quản nhà xuất bản, cụ thể là: *cơ quan chủ quản có quyền cấp vốn ban đầu, thanh tra, kiểm tra hoạt động của nhà xuất bản theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của nhà xuất bản trong hoạt động xuất bản theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình.*

9.6. Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản (Điều 16)

Theo Điều 16 Luật xuất bản năm 2004, *việc cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản được quy định như sau:*

- Trước khi thành lập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản phải có hồ sơ xin cấp giấy phép gửi Bộ Văn hoá - Thông tin. *Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:*

+ Đơn xin cấp giấy phép ghi tên gọi, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, giám đốc, tổng biên tập, trụ sở và vốn của nhà xuất bản;

+ Lý lịch trích ngang của giám đốc, tổng biên tập và danh sách biên tập viên nhà xuất bản.

- Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Sau khi được cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản ra quyết định thành lập nhà xuất bản và

hoàn thành các thủ tục cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

Để bảo đảm cho cơ quan, tổ chức được thành lập nhà xuất bản một cách nhanh chóng khi đã đáp ứng đầy đủ điều kiện do Luật quy định, Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung *thời hạn 30 ngày* để Bộ Văn hoá - Thông tin trả lời về việc cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản.

9.7. Thay đổi cơ quan chủ quản, tên gọi của cơ quan chủ quản; thay đổi tên gọi, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ và trụ sở của nhà xuất bản (Điều 17)

Theo Điều 17 Luật xuất bản năm 2004 thì khi thay đổi cơ quan chủ quản, tên gọi của cơ quan chủ quản, thay đổi tên gọi, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ và trụ sở của nhà xuất bản, cơ quan chủ quản mới phải làm thủ tục xin cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản theo quy định tại Điều 16 Luật xuất bản.

Như vậy, Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung trường hợp thay đổi cơ quan chủ quản thì cơ quan chủ quản mới phải làm thủ tục xin cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản. Việc bổ sung quy định này là hoàn toàn hợp lý bởi tại Điều 13 Luật xuất bản năm 2004 có quy định cơ quan chủ quản nhà xuất bản là cơ quan, tổ chức đứng tên xin phép thành lập nhà xuất bản. Do đó, khi thay đổi cơ quan chủ quản thì đương nhiên cơ quan chủ quản mới phải làm thủ tục để xin **phép** thành lập nhà xuất bản.

9v - Khi thay đổi tên gọi của cơ quan chủ quản hoặc nhà xuất bản, thay đổi đối tượng phục vụ của nhà xuất bản thì

cơ quan chủ quản phải có văn bản gửi Bộ Văn hoá - Thông tin xin đổi giấy phép.

Luật xuất bản năm 1993 quy định khi thay đổi tên gọi của nhà xuất bản, thì cơ quan chủ quản nhà xuất bản phải xin cấp phép thành lập nhà xuất bản. Thực tế hiện nay cho thấy, quy định như vậy là cứng nhắc, không tạo điều kiện cho nhà xuất bản, bởi thực chất ở đây chỉ đơn thuần là việc thay đổi tên gọi, chứ không hề thay đổi tôn chỉ, mục đích. Để tránh mất thời gian, cũng như tránh việc gián đoạn trong hoạt động của nhà xuất bản, việc thay đổi tên gọi này chỉ cần tiến hành thủ tục thông báo cho Bộ Văn hoá - Thông tin và xin đổi giấy phép. Chính vì vậy, Luật xuất bản năm 2004 đã quy định theo hướng khi thay đổi tên gọi nhà xuất bản, cơ quan chủ quản nhà xuất bản phải có văn bản gửi Bộ Văn hoá - Thông tin xin đổi giấy phép. Đồng thời, Luật xuất bản năm 2004 bổ sung trường hợp khi thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản, đối tượng phục vụ của nhà xuất bản thì cơ quan chủ quản nhà xuất bản phải có văn bản gửi Bộ Văn hoá - Thông tin xin đổi giấy phép.

Luật xuất bản năm 2004 đã tăng thời hạn mà nhà xuất bản phải thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản từ chậm nhất là hai ngày (Luật xuất bản năm 1993) lên chậm nhất là bảy ngày khi thay đổi trụ sở. Việc tăng thời hạn này là hoàn toàn hợp lý vì thực tế quy định chậm nhất là hai ngày sau khi đến trụ sở mới, nhà xuất bản phải báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản là quá gấp, không khả thi.

10. Đăng ký kế hoạch xuất bản (Điều 18)

Theo quy định tại Điều 33 Luật xuất bản năm 1993 thì Bộ Văn hoá - Thông tin có nhiệm vụ quản lý việc thực hiện kế hoạch xuất bản; cấp, thu, hồi giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản.

Như vậy, với quy định tại Điều 33 Luật xuất bản năm 1993 thì tất cả kế hoạch xuất bản của các nhà xuất bản đều phải đăng ký với Bộ Văn hoá - Thông tin và chỉ được thực hiện sau khi Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản. Quy định này đã đặt cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản vào vị trí chịu trách nhiệm thay cho nhà xuất bản về nội dung xuất bản-phẩm, dẫn đến hiện tượng nhà xuất bản ỷ lại, thậm chí có thể đổ lỗi cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản. Ngoài ra, quy định này làm hạn chế tính tự chủ của nhà xuất bản, bởi các nhà xuất bản này phải chờ được cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản mới được xuất bản. Trong khi đó bí mật về đề tài, tên sách là một yếu tố quyết định sự thành bại trong kinh doanh của nhà xuất bản. Hơn nữa, qua hơn 10 năm thực hiện Luật xuất bản, thực tế cho thấy, các bản đăng ký kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản có tính khả thi thấp. Hiện tượng đăng ký “xếp chỗ” quá nhiều đề tài diễn ra khá phổ biến. Thực tế này đã dẫn đến cơ quan quản lý nhà nước rơi vào tình trạng quá tải khi xem xét, chấp nhận kế hoạch xuất bản, gây lãng phí về thời gian và công sức.

Để hạn chế tình trạng kế hoạch “ảo”, đồng thời phù hợp

với chính sách nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản, phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, tạo sự thông thoáng và đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà xuất bản, đảm bảo cho cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản không bị rơi vào tình trạng quá tải, có thời gian tập trung vào việc thanh tra, phát hiện, xử lý các vi phạm trong hoạt động xuất bản, Luật xuất bản năm 2004 đã bỏ hoàn toàn việc chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản và chỉ quy định hằng năm nhà xuất bản phải đăng ký kế hoạch xuất bản với Bộ Văn hoá - Thông tin trước khi xuất bản.

11. Liên kết trong lĩnh vực xuất bản (Điều 20)

Theo quy định tại Điều 19 Luật xuất bản năm 1993 thì việc liên doanh với các tổ chức, cá nhân trong nước về in và phát hành phải được cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản có thẩm quyền cho phép và phải tuân theo các quy định khác của pháp luật.

Như vậy, với quy định trên, nhà xuất bản có quyền liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước để in và phát hành xuất bản phẩm. Tuy nhiên, qua hơn 10 năm thi hành Luật xuất bản, việc liên kết trong khâu in và phát hành xuất bản phẩm đã vượt quá giới hạn hành lang pháp lý mà Luật xuất bản năm 1993 quy định, cụ thể là việc liên kết đã được tiến hành trong cả lĩnh vực tổ chức bản thảo. Điều này nảy sinh từ những vướng mắc đối với vốn và thị trường - hai yếu tố cơ bản của hoạt động sản xuất - kinh doanh. Do sự thiếu vốn trầm trọng của các nhà xuất bản, sự lúng túng

khi chuyển đổi cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, nhiều nhà xuất bản đã không dừng lại ở việc liên kết với tư nhân mà tiến thêm một bước là dựa vào nguồn bản thảo để khai thác. Ngoài ra, nhà xuất bản không bám sát được đối tượng phục vụ, không hiểu được nhu cầu, thị hiếu của bạn đọc đối với những cuốn sách được xuất bản nên dẫn đến tình trạng sách in xong không thể bán được, bị tồn kho, tồn đọng vốn. Trong khi đó các tổ chức và cá nhân rất năng động và tự chủ. Từ chỗ tư nhân liên kết chủ yếu để tìm sách tái bản thì dần dần họ đã tổ chức bộ phận biên tập bao gồm cả những người có học vị cao, trang bị hệ thống máy móc khá hiện đại, đặt hàng hoặc mua bản quyền của một số tác giả viết sách có chất lượng tốt, xuất bản được một số tác phẩm có giá trị, in đẹp, được độc giả đánh giá cao.

Theo kết quả điều tra năm 2003, có tới 26 nhà xuất bản có số sách liên kết chiếm trên 50%, trong đó có đến 9 nhà xuất bản có số sách liên kết chiếm đến trên 80%⁽⁴⁾. Như vậy trên thực tế, hiện tượng nhà xuất bản liên kết với tư nhân chiếm tỷ lệ cao.

Để điều chỉnh thực trạng nêu trên, Luật xuất bản năm 2004 đã quy định: *“Nhà xuất bản được liên kết với tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, cá nhân có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về in hoặc phát hành xuất bản phẩm và tổ chức*

⁽⁴⁾ Bài phát biểu của Đồng chí Nguyễn Kiểm - Phó cục trưởng Cục Xuất bản tại Hội thảo tháng 6 năm 2004 do Ủy ban văn hoá, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội tổ chức.

có tư cách pháp nhân để tổ chức bản thảo, in và phát hành từng xuất bản phẩm” (Điều 20).

Bên cạnh mặt tích cực trong lĩnh vực liên kết nói trên, thực tế cho thấy liên doanh trong hoạt động xuất bản với tư nhân cũng dễ tạo ra các xuất bản phẩm có chứa đựng nội dung xấu, gây ảnh hưởng tiêu cực trong xã hội. Nguyên nhân trước tiên là do ý thức chính trị, trách nhiệm xã hội của một số cá nhân tham gia liên kết không cao, họ luôn đặt mục tiêu lợi nhuận lên trên hết. Tuy nhiên, cũng không loại trừ nguyên nhân những lực lượng phản động lợi dụng, muốn thông qua hoạt động xuất bản để chống phá chế độ ta. Ngoài ra, các nhà xuất bản trong quá trình liên kết với tư nhân thường buông lỏng quản lý, không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về xuất bản. Vì vậy, song song với quy định mang tính chất “mở” trên, Luật xuất bản sửa đổi lần này có quy định *giám đốc nhà xuất bản tổ chức biên tập hoàn chỉnh và ký duyệt bản thảo trước khi đưa in, ký duyệt xuất bản phẩm liên kết trước khi phát hành, đồng thời bổ sung trách nhiệm của nhà xuất bản, của cá nhân, tổ chức tham gia liên kết, thông qua việc được đứng tên trên xuất bản phẩm và liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với xuất bản phẩm liên kết.*

12. Tác phẩm cần thẩm định nội dung trước khi tái bản (Điều 21)

Theo quy định tại Điều 21 Luật xuất bản năm 2004, những tác phẩm sau đây nếu có dấu hiệu vi phạm quy định tại Điều 10 Luật xuất bản thì nhà xuất bản phải tổ chức

thẩm định trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản:

- Tác phẩm xuất bản trước Cách mạng tháng Tám năm 1945; tác phẩm xuất bản từ năm 1945 đến năm 1954 trong vùng bị tạm chiếm;

- Tác phẩm xuất bản từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 ở miền Nam Việt Nam không do Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam cho phép;

- Tác phẩm xuất bản ở nước ngoài.

Như vậy, Luật xuất bản năm 2004 đã quy định rất cụ thể những tác phẩm phải tổ chức thẩm định trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản chứ không quy định chung chung như Luật xuất bản năm 1993 là Chính phủ quy định các loại tác phẩm cần thẩm định. Trong quá trình soạn thảo dự án luật cũng có ý kiến băn khoăn là tại sao chỉ ba loại tác phẩm có dấu hiệu vi phạm Điều 10 mới tổ chức thẩm định mà không phải là tất cả các tác phẩm có dấu hiệu vi phạm Điều 10. Việc quy định như vậy là vì những tác phẩm này đã được xuất bản rồi và nay chỉ đem để tái bản lại. Còn đối với những tác phẩm xuất bản lần đầu để được xuất bản phải thông qua nhà xuất bản. Nhà xuất bản là cơ quan chịu trách nhiệm về nội dung, do đó, những tác phẩm này không cần phải thẩm định lại.

8. Tóm lại, với sự sửa đổi, bổ sung như đã phân tích ở trên, Luật xuất bản năm 2004 *đã tăng thêm quyền cho nhà xuất bản, tạo điều kiện để nhà xuất bản chủ động hơn trong việc thực hiện công việc của mình.*

13. Xuất bản tài liệu không kinh doanh của cơ quan, tổ chức Việt Nam (Điều 22)

Tại Điều 22 Luật xuất bản năm 2004, việc xuất bản tài liệu không kinh doanh của cơ quan, tổ chức Việt Nam được quy định như sau:

- Việc xuất bản tài liệu *không kinh doanh của cơ quan, tổ chức Việt Nam không thực hiện qua nhà xuất bản* phải được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép theo quy định sau đây:

- + *Bộ Văn hoá - Thông tin* cấp giấy phép cho cơ quan, tổ chức ở trung ương;

- + *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* cấp giấy phép cho cơ quan, tổ chức của địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương.

- Để được cấp phép, trong hồ sơ xin cấp phép của cơ quan, tổ chức Việt Nam phải có đủ các giấy tờ hợp lệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật xuất bản thì *hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:*

- + Đơn xin phép xuất bản ghi tên cơ quan, tổ chức xin phép, tên tài liệu, số lượng in, khuôn khổ, số trang, nội dung tóm tắt, đối tượng và phạm vi phát hành, cam kết thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép;

- + Hai bản thảo tài liệu; trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt.

- Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

14. Xuất bản các tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam (Điều 23)

Bản thân mỗi nền văn hoá dân tộc đã hàm chứa trong mình nhu cầu giao lưu văn hoá với các nước khác nhằm tiếp thu tinh hoa văn hoá, khoa học của nhân loại, làm giàu thêm nền văn hoá dân tộc. Đây là một nhu cầu khách quan. Tuy nhiên, Luật xuất bản năm 1993 chưa điều chỉnh về việc xuất bản các tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam. Trước thực tế trên, Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung quy định về vấn đề này tại Điều 23.

Với quy định này thì tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế muốn xuất bản tác phẩm để kinh doanh tại Việt Nam phải được nhà xuất bản của Việt Nam có chức năng tương ứng thực hiện. Việc xuất bản tài liệu không kinh doanh của tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam không thực hiện qua nhà xuất bản của Việt Nam phải được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép. Để Bộ Văn hoá - Thông tin có cơ sở cấp phép hoặc không cấp phép thì các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam phải gửi hồ sơ xin cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh. Trong hồ sơ xin cấp giấy phép phải có đơn xin phép xuất bản ghi tên cơ quan, tổ chức xin phép, tên tài liệu, số lượng in, khuôn khổ, số trang, nội dung tóm tắt, đối tượng và phạm vi phát hành, cam kết thực hiện đúng nội

dung ghi trong giấy phép, hai bản thảo tài liệu, trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt. Đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế ngoài những quy định đã phân tích ở trên còn phải bổ sung vào hồ sơ bản sao có công chứng giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp.

Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin sẽ cấp giấy phép. Trường hợp Bộ Văn hoá - Thông tin không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

15. Đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam (Điều 24)

Trong những năm gần đây, nhu cầu xuất bản, in, phát hành của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam ngày càng nhiều. Tuy nhiên, Luật xuất bản năm 1993 chưa điều chỉnh vấn đề này. Trong quá trình xây dựng Luật, có ý kiến cho rằng cần phải tính toán rất kỹ giữa mặt tích cực và mặt tiêu cực khi quy định về vấn đề này. Tuy nhiên, rất nhiều ý kiến cho rằng Luật xuất bản năm 2004 cần điều chỉnh vấn đề này để phù hợp với xu thế mở cửa, hội nhập với khu vực và thế giới, đồng thời chuẩn bị điều kiện để Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Trên cơ sở phân tích kỹ lưỡng những điểm mạnh, điểm yếu nói trên, Luật xuất bản năm 2004 đã quy định vấn đề đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại

Việt Nam (Điều 24). Tuy nhiên, để ngăn ngừa khả năng chi phối, gây ảnh hưởng không tốt của một số nhà xuất bản nước ngoài, Luật xuất bản năm 2004 đã quy định rất chặt chẽ vấn đề này, cụ thể là: văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, phải được Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép và chỉ được phép tiến hành một số hoạt động như giới thiệu về nhà xuất bản, sản phẩm của nhà xuất bản, xúc tiến các giao dịch về bản quyền và xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật.

16. Xuất bản trên mạng thông tin máy tính (Internet) (Điều 25)

Hình thức xuất bản trên mạng thông tin máy tính tuy mới ra đời nhưng đã và đang phát triển rất nhanh. Vì vậy, để đáp ứng đòi hỏi của thực tế, Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung một điều có tính chất nguyên tắc về vấn đề này, nhằm tạo dựng cơ sở pháp lý cho hình thức xuất bản trên mạng thông tin máy tính tồn tại và phát triển một cách hợp lý, cụ thể như sau:

- Những xuất bản phẩm lưu hành hợp pháp được đưa lên mạng thông tin máy tính;
- Việc xuất bản trên mạng thông tin máy tính phải do nhà xuất bản thực hiện và phải tuân theo quy định của Luật xuất bản;
- Việc đưa xuất bản phẩm lên mạng thông tin máy tính được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

17. Thông tin ghi trên xuất bản phẩm (Điều 26)

Theo Điều 26 Luật xuất bản năm 2004 thì thông tin ghi trên xuất bản phẩm được quy định như sau:

- Đối với sách và tài liệu dưới dạng sách

+ Bìa một ghi tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản, số thứ tự của tập.

+ Trang tên sách, ngoài các thông tin về tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản, số thứ tự của tập còn phải ghi tên người chủ biên hoặc người dịch, người hiệu đính, số lần tái bản, năm xuất bản.

+ Đối với sách dịch, mặt sau của trang tên sách phải ghi đầy đủ tên nguyên bản, tác giả, nhà xuất bản nước ngoài, năm xuất bản; nếu sách dịch từ ngôn ngữ khác với ngôn ngữ nguyên bản phải ghi rõ ngôn ngữ và tên người dịch bản đó.

+ Trang cuối sách ghi tên người chịu trách nhiệm xuất bản, tên người biên tập nội dung, tên người trình bày bìa, minh họa; khuôn khổ; số đăng ký kế hoạch xuất bản; số quyết định xuất bản của giám đốc nhà xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, số lượng in, tên cơ sở in, ngày nộp lưu chiểu.

+ Bìa bốn ghi giá bán lẻ; đối với sách đặt hàng phải ghi là sách đặt hàng; đối với sách không kinh doanh phải ghi là không bán; đối với sách liên kết phải ghi tên, địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản, in hoặc phát hành.

- Đối với xuất bản phẩm không phải là sách, tài liệu

đưới dạng sách

+ Ghi tên xuất bản phẩm, tên nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản.

+ Số lượng in, tên cơ sở in.

+ Số quyết định xuất bản của giám đốc nhà xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

+ Giá bán lẻ; đối với xuất bản phẩm đặt hàng phải ghi là đặt hàng; đối với xuất bản phẩm không kinh doanh phải ghi là không bán; đối với xuất bản phẩm liên kết phải ghi tên, địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản, in hoặc phát hành.

18. Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu (Điều 27) và đọc xuất bản phẩm lưu chiếu (Điều 28)

So với Luật xuất bản năm 1993, Luật xuất bản năm 2004 có nhiều quy định thông thoáng, tăng quyền hạn, tạo điều kiện thuận lợi, đề cao tính tự chủ cho các chủ thể tham gia hoạt động xuất bản. Tuy nhiên, để vừa phát huy được tính chủ động, sáng tạo, đồng thời phòng ngừa, hạn chế những vi phạm do các chủ thể tham gia hoạt động xuất bản gây ra thì Luật xuất bản năm 2004 cần có những quy định nhằm bảo đảm cho cơ quan quản lý nhà nước giảm bớt được việc giải quyết những công việc vụn vặt, không cần thiết, có nhiều thời gian hơn để tập trung vào việc thanh tra, xử lý những xuất bản phẩm có nội dung vi phạm pháp luật thông qua dư luận của độc giả hoặc kiểm tra lưu chiếu. Chính vì vậy, Luật xuất bản năm 2004 đã sửa đổi, bổ sung

quy định về nộp xuất bản phẩm lưu chiếu, đồng thời bổ sung một điều quy định về độc xuất bản phẩm lưu chiếu.

18.1. Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu (Điều 27)

Tất cả xuất bản phẩm phải được nộp lưu chiếu trước khi phát hành. Việc nộp lưu chiếu xuất bản phẩm được thực hiện theo quy định sau đây:

- Ít nhất mười ngày trước khi phát hành, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phải nộp ba bản cho Bộ Văn hoá - Thông tin; trường hợp số lượng in dưới ba trăm bản thì nộp hai bản;

- Cơ quan, tổ chức có tài liệu do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản, ngoài việc phải nộp ba bản cho Bộ Văn hoá - Thông tin, trường hợp số lượng in dưới ba trăm bản thì nộp hai bản, còn phải nộp hai bản cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sau khi xuất bản phẩm được phát hành, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phải nộp năm bản cho Thư viện Quốc gia Việt Nam; trường hợp số lượng in dưới ba trăm bản thì nộp hai bản.

18.2. Về độc xuất bản phẩm lưu chiếu (Điều 28)

Trong những năm qua, công tác lưu chiếu còn nhiều bất cập, nhưng có thể nói rằng, khâu yếu nhất của công tác lưu chiếu đó là độc lưu chiếu của cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản. Thực tiễn hơn 10 năm thi hành Luật xuất bản cho thấy, nhiều sai phạm về nội dung của các xuất bản phẩm lưu hành trên thị trường lại do độc giả phát hiện,

trong khi nhiệm vụ quan trọng nhất của cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản là không được để tác phẩm xấu xuất hiện trên thị trường. Nhằm khắc phục thực tế trên, Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung một điều quy định rõ chủ thể nào có trách nhiệm đọc xuất bản phẩm lưu chiếu, các biện pháp xử lý nếu phát hiện xuất bản phẩm vi phạm và chế độ thù lao cho người đọc xuất bản phẩm lưu chiếu, cụ thể như sau:

- *Bộ Văn hoá - Thông tin, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có trách nhiệm tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiếu;

- Khi phát hiện xuất bản phẩm vi phạm quy định của Luật xuất bản, Bộ Văn hoá - Thông tin, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản tổ chức thẩm định nội dung, áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật;

- *Bộ Văn hoá - Thông tin chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính* quy định chế độ thù lao cho người đọc xuất bản phẩm lưu chiếu.

19. Quảng cáo trên xuất bản phẩm (Điều 29)

Luật xuất bản năm 1993 chưa điều chỉnh vấn đề quảng cáo trên xuất bản phẩm. Chính vì vậy, trên thực tế một số nhà xuất bản đã lợi dụng quảng cáo để thu lợi, biến xuất bản phẩm thành nơi kinh doanh quảng cáo mà không quan tâm đến độ tin cậy của thông tin cần quảng cáo, không quan tâm tới khuyến khích sản xuất và kinh doanh trong nước, tới nội dung chính trị, văn hoá, tư tưởng. Thậm chí có những nội dung quảng cáo xa lạ với truyền thống văn hoá,

quan niệm đạo đức, tâm lý dân tộc ta. Có xuất bản phẩm quảng cáo tràn lan, số lượng trang quảng cáo nhiều, khiến cho người đọc cảm giác nhà xuất bản chú trọng tới quảng cáo hơn là nội dung của xuất bản phẩm. Để hạn chế một số nhà xuất bản in quảng cáo trên xuất bản phẩm vượt quá phạm vi cho phép của Pháp lệnh quảng cáo, Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung Điều 29 quy định về vấn đề này, cụ thể như sau:

“1. Đối với sách chỉ được quảng cáo về tác giả, tác phẩm, nhà xuất bản trên bìa hai, ba và bốn, trừ sách chuyên về quảng cáo.

2. Đối với tài liệu không kinh doanh chỉ được quảng cáo về sản phẩm, dịch vụ và hoạt động của cơ quan, tổ chức xuất bản tài liệu đó.

3. Không được quảng cáo hàng hoá, dịch vụ mà pháp luật cấm quảng cáo”.

20. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực xuất bản (Điều 30)

Nhằm góp phần đưa những quy định của Luật xuất bản vào cuộc sống, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể liên quan đến hoạt động xuất bản, ngăn ngừa và xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm, Luật xuất bản năm 2004 đã dành ba điều (các điều 30, 36 và 44) để điều chỉnh vấn đề này thay vì quy định một chương như Luật xuất bản năm 1993.

Luật xuất bản năm 2004 cũng đã quy định bổ sung trách nhiệm về quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà

nước về hoạt động xuất bản. Việc bổ sung này là hết sức cần thiết, nhằm nâng cao trách nhiệm, giảm thiểu những quyết định xử lý thiếu chính xác của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà xuất bản, cơ quan tổ chức tham gia trong lĩnh vực xuất bản.

21. Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (Điều 31)

Hoạt động in xuất bản phẩm là một khâu quan trọng trong hoạt động xuất bản, nhưng là khâu tương đối độc lập. Do đó, muốn hoạt động thì cơ sở in phải có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp. Việc cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm phải căn cứ vào các điều kiện cụ thể được quy định tại Điều 31 Luật xuất bản năm 2004.

Để nâng cao sự chủ động, tự chịu trách nhiệm của địa phương trong công tác quản lý về hoạt động xuất bản và đáp ứng yêu cầu phân cấp quản lý nhà nước trong hoạt động xuất bản. Luật xuất bản năm 2004 đã quy định cụ thể cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm như sau:

- *Bộ Văn hoá - Thông tin* cấp giấy phép cho cơ sở in của cơ quan, tổ chức ở trung ương;

- *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* cấp giấy phép cho cơ sở in của địa phương.

Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản

được nêu ở trên phải cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do. Đây là quy định có tính nguyên tắc, thể hiện chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong việc quản lý cơ sở in một cách có hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn phát triển ngành in trong điều kiện phát triển kinh tế nước ta hiện nay.

22. Hoạt động của cơ sở in xuất bản phẩm (Điều 33)

Luật xuất bản năm 2004 đã quy định cụ thể việc cơ sở in *chỉ được in xuất bản phẩm sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm*. Đây là một thủ tục pháp lý bắt buộc trong hoạt động của cơ sở in. Trong trường hợp cơ sở in thay đổi tên gọi, địa chỉ, chủ sở hữu, chia tách hoặc sáp nhập thì cơ sở in phải làm thủ tục xin đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; khi thay đổi giám đốc hoặc chủ cơ sở in thì cơ sở in phải thông báo bằng văn bản với cơ quan cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm kèm theo lý lịch trích ngang của giám đốc hoặc chủ cơ sở in mới.

Để ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của cơ sở in và đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực in, Điều 32 Luật xuất bản năm 2004 đã quy định điều kiện nhận in xuất bản phẩm của cơ sở in.

23. In gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (Điều 34)

Theo quy định tại Điều 34 Luật xuất bản năm 2004 thì cơ sở in xuất bản phẩm được in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài. Cơ sở in xuất bản phẩm ngoài việc phải có giấy

phép hoạt động in xuất bản phẩm do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật xuất bản năm 2004 thì còn phải xin cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài. Theo đó, cơ sở in phải làm hồ sơ để xin cấp giấy phép hoạt động bao gồm các nội dung sau đây:

- Đơn xin cấp giấy phép ghi tên, quốc tịch người đại diện của tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt in, tên xuất bản phẩm đặt in, số lượng in, cửa khẩu xuất;
- Hai bản mẫu xuất bản phẩm đặt in;
- Bản sao giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm có công chứng.

Thực tế cho thấy, việc quản lý chặt chẽ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài thông qua hình thức cấp giấy phép là điều rất cần thiết. Tuy nhiên, Luật xuất bản năm 1993 chưa quy định về việc in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài và cũng chưa quy định cụ thể thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trong việc cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài. Nhằm khắc phục hạn chế này, đồng thời thể hiện tinh thần cải cách hành chính theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, Luật xuất bản năm 2004 đã quy định việc in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài phải được Bộ Văn hoá - Thông tin hoặc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phải

cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do. Đây là một trong những điểm mới của Luật xuất bản năm 2004 nhằm tạo điều kiện thông thoáng và bảo đảm tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở in.

24. Phát hiện xuất bản phẩm vi phạm trong quá trình in và xử lý vi phạm trong lĩnh vực in xuất bản phẩm (Điều 35 và Điều 36)

Thực tế, trong những năm qua, lĩnh vực in có những bước phát triển vượt bậc, góp phần tạo ra ngày càng nhiều xuất bản phẩm có giá trị, phục vụ việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, nâng cao đời sống, văn hóa tinh thần cho nhân dân. Chất lượng các sản phẩm có bước tiến khá nhanh, đặc biệt là các ấn phẩm in cao cấp. Với thiết bị, công nghệ ngày càng hiện đại và trình độ tay nghề được nâng lên, ngành in nước ta có thể đáp ứng được tất cả nhu cầu in cao cấp của khách hàng trong nước và bước đầu in gia công cho nước ngoài. Tuy nhiên, việc tăng nhanh số lượng các cơ sở in gây ra tình trạng “cung” vượt quá “cầu”, rất khó quản lý và dễ bị sai phạm. Do dư thừa công suất máy và thiếu việc làm, một số cơ sở đã có hành vi in lậu, in nổi bản, trốn thuế... trong đó, hiện tượng in, nhân bản và lưu hành những tài liệu bất hợp pháp, sách mê tín dị đoan trong xã hội là những bức xúc trong hoạt động xuất bản thời gian qua.

Để hạn chế tình trạng này, trên cơ sở kế thừa quy định của Luật xuất bản năm 1993, tại Điều 35 Luật xuất bản

năm 2004 đã quy định: Trong quá trình in xuất bản phẩm, khi phát hiện xuất bản phẩm có nội dung vi phạm quy định tại Điều 10 Luật xuất bản năm 2004 thì cơ sở in phải báo cáo ngay với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, đồng thời thông báo với nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân đặt in. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quyết định đình chỉ in xuất bản phẩm thì nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có xuất bản phẩm bị đình chỉ in phải bồi thường thiệt hại cho cơ sở in; nếu quyết định sai thì cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản phải bồi thường thiệt hại cho nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có xuất bản phẩm bị đình chỉ in.

Hơn nữa, để ngăn ngừa và xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực in, góp phần đưa những quy định của Luật xuất bản năm 2004 vào cuộc sống, bảo đảm cho cơ sở in, tổ chức, cá nhân tham gia trong lĩnh vực in xuất bản phẩm thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật xuất bản, tại Điều 36 Luật xuất bản năm 2004 đã quy định cơ sở in, tổ chức, cá nhân tham gia trong lĩnh vực in xuất bản phẩm có hành vi in xuất bản phẩm không có quyết định xuất bản của nhà xuất bản hoặc giấy phép xuất bản; in xuất bản phẩm gia công cho nước ngoài không có giấy phép in gia công; in xuất bản phẩm đã có quyết định đình chỉ in, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy; in xuất bản phẩm không đúng với bản thảo đã được cơ quan, tổ chức được phép xuất bản ký duyệt; không có hợp đồng in hoặc in vượt quá số lượng ghi trong hợp đồng; in xuất bản phẩm không có giấy phép

hoạt động in xuất bản phẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị đình chỉ in xuất bản phẩm đang in, tạm đình chỉ hoạt động in xuất bản phẩm, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

25. Hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Điều 37)

Phát hành là hoạt động có ý nghĩa quan trọng, vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị, phổ biến đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần nâng cao dân trí, thị hiếu thẩm mỹ, văn hoá, vừa tham gia thị trường và thực hiện mục đích kinh doanh. Sau khi Luật xuất bản năm 1993 được ban hành, do nền kinh tế nước ta chuyển sang kinh tế thị trường, hoạt động phát hành sách gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, vượt qua những thử thách ban đầu, hoạt động phát hành sách đã từng bước thích nghi với cơ chế thị trường, dần đi vào ổn định và kinh doanh có hiệu quả. Sự nghiệp phát hành không ngừng phát triển, quy mô hoạt động và phạm vi ảnh hưởng ngày một lớn. Việc khuyến khích tư nhân tham gia vào phát hành xuất bản phẩm đã tạo ra một mạng lưới phát hành xuất bản phẩm rộng lớn, đưa xuất bản phẩm có giá trị đến người dân nhiều hơn. Tuy nhiên, còn có hiện tượng nhiều tư nhân chỉ chạy theo lợi nhuận, vì thế chủ yếu phát hành những xuất bản phẩm mang lại lợi nhuận cao, tập trung ở các thành phố, thị xã, thậm chí có hành vi tiếp tay cho việc in lậu, in nổi bản, đưa giá sách lên rồi trừ chiết khấu phát hành cao, tạo ra cạnh tranh bất bình đẳng với phát hành sách của Nhà

nước, gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

Trước thực trạng nói trên, những quy định của Luật xuất bản năm 1993 về lĩnh vực phát hành trở nên lạc hậu, không thể điều chỉnh hết các mặt của hoạt động phát hành, do đó, đòi hỏi phải có những quy định chặt chẽ, cụ thể hơn để vừa phát triển hoạt động kinh doanh trong phát hành xuất bản phẩm nhưng đồng thời cũng phải bảo đảm để cho hoạt động phát hành không phải là “việc đi buôn đơn thuần” như lời khẳng định của nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị xuất bản - phát hành năm 1993⁽⁵⁾.

“Phát hành”, theo Từ điển Tiếng Việt, là “*đưa ra lưu hành những gì mới in, mới xuất bản*”⁽⁶⁾.

Phát hành xuất bản phẩm là hoạt động nhằm đưa xuất bản phẩm - những giá trị tinh thần đã được vật chất hoá - đến với công chúng, để tác phẩm, công trình khoa học của tác giả không chỉ là sáng tạo riêng lẻ của tác giả mà được đông đảo công chúng biết đến, được công chúng thưởng thức và áp dụng trong cuộc sống. Với đặc tính nổi bật là hoạt động nhằm “*phổ biến đến nhiều người*”, phát hành xuất bản phẩm, về phương diện văn hoá, tư tưởng, chính là hoạt động truyền bá, phổ biến tri thức, góp phần nâng cao trình độ, giáo dục đạo đức, thẩm mỹ... cho toàn xã hội.

⁽⁵⁾ Bộ Văn hoá - Thông tin, Vụ Thư viện - Cục Xuất bản, *Mối quan hệ giữa ngành xuất bản & ngành thư viện trong cơ chế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam* (Kỷ yếu hội thảo khoa học), Hà Nội, 2003, tr. 40.

⁽⁶⁾ Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên), Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, 2000, tr. 768.

Theo quy định tại Điều 37 Luật xuất bản năm 2004, phát hành xuất bản phẩm bao gồm các hình thức: mua, bán, phân phát, cho thuê, triển lãm, hội chợ, xuất khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm và đưa xuất bản phẩm lên mạng thông tin máy tính (Internet).

Về cơ sở phát hành xuất bản phẩm, thể hiện tư tưởng đổi mới, cơ sở phát hành xuất bản phẩm theo quy định của Luật xuất bản năm 2004 là *các cơ sở của tổ chức, cá nhân kinh doanh xuất bản phẩm*. Như vậy, Luật xuất bản năm 2004 đã cho phép các cơ sở kinh doanh xuất bản phẩm thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập cơ sở phát hành xuất bản phẩm và bảo đảm sự bình đẳng của các thành phần này khi tham gia hoạt động phát hành xuất bản phẩm. Đối với nhà xuất bản, nếu như Luật xuất bản năm 1993 chỉ cho phép “*nhà xuất bản, ngoài việc ký hợp đồng với tổ chức phát hành của Nhà nước, được tự phát hành xuất bản phẩm của mình hoặc uỷ thác cho tổ chức, cá nhân được phép kinh doanh phát hành xuất bản phẩm*”, thì theo quy định của Luật xuất bản năm 2004, “*nhà xuất bản được thành lập cơ sở phát hành xuất bản phẩm*”. Việc thành lập cơ sở phát hành xuất bản phẩm được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Những điểm mới này xuất phát từ quan điểm đa dạng hoá các thành phần kinh tế thuộc mọi hình thức sở hữu tham gia vào hoạt động phát hành xuất bản phẩm nhằm huy động các nguồn lực trong xã hội phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí, cải thiện đời

sống văn hoá, tinh thần cho nhân dân, đáp ứng nhu cầu và bảo đảm quyền của công dân được thông tin, được hưởng thụ những giá trị văn hoá, tinh thần của nhân loại.

26. Xuất, nhập khẩu xuất bản phẩm (khoản 3 Điều 37 và các điều 38, 39, 40 và 41)

Nhu cầu trao đổi văn hoá thông qua xuất bản phẩm là nhu cầu tự nhiên tồn tại và phát triển trong mối quan hệ bang giao giữa các quốc gia và các dân tộc trên thế giới. Lịch sử ra đời và tồn tại của xuất bản phẩm đã chứng minh xuất bản phẩm là một phương tiện giao lưu văn hoá đặc sắc với những đặc tính quan trọng như giá thành rẻ, tính lưu trữ cao, dễ sử dụng, dễ phổ cập, có tính mỹ thuật, tính giáo dục cao... Thông qua xuất bản phẩm, người ta có thể tìm hiểu một cách đầy đủ nhất mọi lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội của một quốc gia, từ lịch sử, chính trị, kinh tế cho đến thi ca, triết học, mỹ thuật, kiến trúc, hội hoạ... Việc trao đổi văn hoá thông qua xuất bản phẩm theo hình thức mậu dịch, tức là hoạt động xuất, nhập khẩu xuất bản phẩm, là một trong những phương thức phổ biến của quan hệ quốc tế về xuất bản phẩm.

Theo quy định tại Điều 30 Luật xuất bản năm 1993: *“việc xuất khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm phải tuân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu”*. Tuy nhiên, trong Luật xuất bản năm 1993 lại không có quy định cụ thể về hoạt động xuất, nhập khẩu xuất bản phẩm, do đó, hoạt động này trên thực tế được điều chỉnh chủ yếu bằng các văn bản dưới luật.

Với tinh thần giảm “luật khung” và hạn chế những quy

định chung chung, không cụ thể; đồng thời, đáp ứng nhu cầu đẩy mạnh giao lưu và hợp tác về văn hoá giữa Việt Nam và thế giới, tạo điều kiện tiếp thu những tinh hoa văn hoá của nhân loại và truyền bá văn hoá Việt Nam ra thế giới, Luật xuất bản năm 2004 đã quy định chi tiết, cụ thể hơn về hoạt động xuất, nhập khẩu xuất bản phẩm.

Trước hết, về hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm: theo quy định của Luật xuất bản năm 2004, việc nhập khẩu xuất bản phẩm được *thực hiện thông qua các cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm* (gọi tắt là cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm). Cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải có giấy phép hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm do Bộ Văn hoá - Thông tin cấp. Việc cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật xuất bản năm 2004.

Ngoài ra, nhằm quản lý chặt chẽ hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm, để có thể nhập khẩu về những xuất bản phẩm có giá trị thẩm mỹ, có tính giáo dục cao, tránh tình trạng cơ sở nhập khẩu chạy theo lợi nhuận, nhập về những xuất bản phẩm có nội dung không lành mạnh, ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân, Luật xuất bản năm 2004 quy định rõ: hàng năm, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu với Bộ Văn hoá - Thông tin trước khi nhập khẩu. Giám đốc cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải tổ chức kiểm tra nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu trước khi phát hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm mà mình nhập khẩu. Việc thay cơ chế

chấp nhận kế hoạch nhập khẩu bằng cơ chế đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu và tăng cường trách nhiệm của giám đốc cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm thể hiện rõ nét tinh thần cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý hoạt động phát hành xuất bản phẩm, phù hợp với xu hướng tăng cường cơ chế “hậu kiểm” và đơn giản hoá thủ tục hành chính hiện nay ở nước ta.

Một điểm lưu ý là những quy định này được áp dụng đối với việc nhập khẩu xuất bản phẩm vì mục đích kinh doanh. Việc nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh của cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế và người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam sẽ do Chính phủ quy định.

Cùng với hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm, Luật xuất bản năm 2004 còn quy định về xuất khẩu xuất bản phẩm.

Nhằm giới thiệu văn hoá Việt Nam với thế giới, góp phần tuyên truyền đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, Nhà nước *khuyến khích các nhà xuất bản, các cơ sở phát hành xuất bản phẩm của tất cả các thành phần kinh tế xuất khẩu xuất bản phẩm ra nước ngoài*. Tuy nhiên, những năm vừa qua, công tác này chưa đạt hiệu quả cao bởi việc tiếp thị xuất bản phẩm của Việt Nam ra nước ngoài còn yếu, cước vận chuyển ra nước ngoài quá đắt, chất lượng xuất bản phẩm nói chung, sách nói riêng chưa cao, sách dịch ra các ngôn ngữ khác còn ít, hạn chế về nội dung và chất lượng. Quy định về xuất khẩu xuất bản phẩm trong

các văn bản pháp luật còn thiếu sự thông thoáng.

Để thúc đẩy hơn nữa hoạt động xuất khẩu xuất bản phẩm của Việt Nam ra nước ngoài, Điều 41 Luật xuất bản năm 2004 quy định: “*Xuất bản phẩm của nhà xuất bản lưu hành hợp pháp khi xuất khẩu ra nước ngoài không phải xin phép cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản*”. Đây là một điểm mới cơ bản, thể hiện sự thay đổi về tư duy quản lý trong hoạt động xuất bản ở nước ta.

27. Hoạt động triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (Điều 42)

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, hàng hoá xuất bản phẩm ngày càng phong phú, đa dạng về nội dung và hình thức. Lực lượng tham gia phát hành xuất bản phẩm không chỉ có quốc doanh mà còn có nhiều thành phần kinh tế khác, vì thế, hoạt động phát hành xuất bản phẩm trở nên hết sức phong phú và có sự cạnh tranh mạnh mẽ của nhiều đối tác kinh doanh. Trước tình hình đó, mỗi doanh nghiệp, tổ chức hay nhà kinh doanh phải tìm ra nhiều biện pháp xúc tiến bán hàng. Triển lãm, hội chợ chính là một biện pháp xúc tiến bán hàng nhằm thúc đẩy nhanh khả năng bán xuất bản phẩm của cá nhân, tổ chức và thoả mãn nhu cầu về xuất bản phẩm cho khách hàng, mang lại lợi ích cho người bán và cho xã hội.

Như vậy, tham gia hội chợ, triển lãm sẽ tạo ra những lợi ích không nhỏ cho các cơ sở kinh doanh, giúp cho những chủ thể này có cơ hội phát triển các mối quan hệ mua bán với các bạn hàng trong và ngoài nước, nắm bắt được thông tin về thị trường để có biện pháp hoàn thiện sản phẩm của

minh đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của đông đảo khách hàng. Thông qua các triển lãm, hội chợ, quan hệ thương mại về xuất bản phẩm phát triển mạnh mẽ, góp phần mở rộng thị trường xuất bản phẩm quốc tế, làm cho các quốc gia xích lại gần nhau trên lĩnh vực xuất bản. Hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm không chỉ là nơi có khả năng bán hàng tốt nhất mà còn là một hoạt động giao lưu văn hoá đặc sắc, nhằm thoả mãn nhu cầu tuyên truyền và hiểu biết lẫn nhau thông qua việc sử dụng xuất bản phẩm, nhất là sách của quốc gia khác trên thế giới.

Chính vì ý nghĩa to lớn như vậy, ngày nay, các cơ sở kinh doanh xuất bản phẩm đều rất quan tâm tới việc tổ chức, tham gia các triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm trong và ngoài nước. Trên thực tế, nhiều hội chợ, triển lãm về xuất bản phẩm đã được tổ chức và phát huy tác dụng rất tích cực. Để điều chỉnh và đảm bảo cho hoạt động triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm diễn ra lành mạnh, tích cực, đáp ứng đòi hỏi trong việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay cũng như trong thời gian tới, Luật xuất bản năm 2004 đã bổ sung quy định về hoạt động triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm. Điều 42 của Luật xuất bản năm 2004 quy định *“việc tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phải được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép”*.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm, hội chợ không có giấy phép hoặc thực hiện không đúng nội dung

ghi trong giấy phép thì bị đình chỉ việc tổ chức hoặc thu hồi giấy phép.

Ngoài ra, hoạt động triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm còn phải tuân thủ các quy định của Luật thương mại về triển lãm, hội chợ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

28. Hợp tác với nước ngoài về phát hành xuất bản phẩm (Điều 43)

Những quy định trong Luật xuất bản năm 1993 về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm mang tính chung chung, vì thế rất khó thực hiện trong thực tế. Trong khi đó, nhu cầu về xuất bản, in cũng như phát hành của các văn phòng đại diện, doanh nghiệp và người nước ngoài ở Việt Nam ngày càng nhiều, nhất là khi chúng ta tham gia các hiệp định thương mại khu vực và quốc tế, cho nên cần quy định cụ thể và tạo điều kiện cho việc phát triển các hoạt động này.

Điều 43 Luật xuất bản năm 2004 quy định: *“cơ sở phát hành xuất bản phẩm có tư cách pháp nhân được hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh để kinh doanh xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật”*.

Luật cũng cho phép tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm được đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam. Văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm được giới thiệu về tổ chức và sản phẩm của mình, xúc tiến các

giao dịch về phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc đặt văn phòng đại diện thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và phải được Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép.

Những quy định của Luật xuất bản năm 2004 sẽ góp phần quản lý có hiệu quả hoạt động của các văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam, giúp các doanh nghiệp trong nước có điều kiện thuận lợi, mở rộng quan hệ với các đối tác nước ngoài để xuất, nhập khẩu xuất bản phẩm, khai thác bản thảo, liên kết xuất bản, đồng thời làm cho các văn phòng đại diện thực sự là một địa chỉ để các doanh nghiệp trong nước có thể trực tiếp lựa chọn sách báo hay, phù hợp vào thị trường Việt Nam; tránh trường hợp các văn phòng đại diện nước ngoài núp dưới danh nghĩa giới thiệu, quảng bá sản phẩm để đưa sách trực tiếp vào thị trường Việt Nam tiêu thụ.

29. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm (Điều 44)

Những năm qua, hoạt động phát hành xuất bản phẩm đã có những bước tiến bộ vượt bậc, không chỉ phục vụ đắc lực cho việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước mà còn đóng góp một phần doanh thu không nhỏ, tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tuy nhiên, cùng với những thành tích trên, phát hành xuất bản phẩm cũng là lĩnh vực nảy sinh nhiều vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Hiện tượng in lậu, in nổi bản, nhập khẩu những xuất bản phẩm thiếu lành mạnh, cạnh tranh không bình đẳng giữa các cơ sở phát

hành... đã tồn tại nhiều năm qua nhưng chưa được giải quyết một cách triệt để.

Để góp phần lập lại kỷ cương trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm, Điều 44 Luật xuất bản năm 2004 quy định khi phát hiện xuất bản phẩm có nội dung vi phạm quy định tại Điều 10 Luật xuất bản thì cơ sở phát hành xuất bản phẩm phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản. Đồng thời, kế thừa những quy định tại Điều 31 Luật xuất bản năm 1993, việc xử lý vi phạm trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm đã được quy định chặt chẽ hơn trong Luật xuất bản năm 2004. Theo đó, cơ sở phát hành xuất bản phẩm, tổ chức, cá nhân tham gia trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm có hành vi vi phạm trong lĩnh vực phát hành thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà có thể bị áp dụng các biện pháp xử lý là: tạm đình chỉ, đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu huỷ xuất bản phẩm vi phạm, tạm đình chỉ hoạt động nhập khẩu, thu hồi giấy phép hoạt động nhập khẩu hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. *Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm bao gồm:*

- Phát hành xuất bản phẩm mà việc xuất bản, in, nhập khẩu không hợp pháp;

- Phát hành xuất bản phẩm đã có quyết định đình chỉ in, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu, tiêu huỷ;

- Bán xuất bản phẩm thuộc loại không kinh doanh;

- Tiêu thụ, phổ biến xuất bản phẩm in gia công cho nước

ngoài trên lãnh thổ Việt Nam;

- Nhập khẩu xuất bản phẩm không đăng ký danh mục nhập khẩu hoặc thực hiện không đúng danh mục đã đăng ký.

Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu xuất bản phẩm vi phạm thì nhà xuất bản, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm có xuất bản phẩm vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho cơ sở phát hành; nếu quyết định sai thì cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản phải bồi thường thiệt hại cho nhà xuất bản hoặc cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm.

Việc bổ sung những quy định cụ thể về lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm vào Luật xuất bản năm 2004 có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của lĩnh vực phát hành nói riêng và toàn bộ hoạt động xuất bản nói chung; góp phần thực hiện mục tiêu *“phấn đấu đưa sách đến mọi miền đất nước, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng xa, góp phần khắc phục sự chênh lệch về hưởng thụ văn hoá của nhân dân ở các vùng miền; mở rộng thị trường ra ngoài nước, nhất là các thị trường truyền thống. Xây dựng thị trường sách lành mạnh, phong phú, đa dạng về thể loại, có nội dung tư tưởng tốt, phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hoá ngày càng cao của nhân dân và giới thiệu nền văn hoá Việt Nam với các nước”*⁽⁷⁾.

⁽⁷⁾ Điều 1 Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành xuất bản, in, phát hành sách đến năm 2010.

Phần thứ hai

**SO SÁNH LUẬT XUẤT BẢN NĂM 1993
VỚI LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004**

SO SÁNH

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 1993 VỚI LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004

Để bảo đảm quyền sáng tạo và phổ biến tác phẩm của công dân, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, kinh tế, lực lượng vũ trang dưới hình thức xuất bản phẩm, góp phần bảo đảm quyền tự do ngôn luận;

Để tăng cường quản lý nhà nước, phát huy vai trò của hoạt động xuất bản trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định chế độ hoạt động xuất bản.

Điều 4. (đoạn 1)

Hoạt động xuất bản quy định tại Luật này bao gồm các lĩnh vực xuất bản, in, phát

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về xuất bản.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về tổ chức và hoạt động xuất bản; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ

hành xuất bản phẩm.

chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất bản.

Hoạt động xuất bản bao gồm các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, cá nhân); tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam; trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 1

Hoạt động xuất bản là hoạt động thuộc lĩnh vực văn hoá, tư tưởng thông qua việc sản xuất, phổ biến những xuất bản phẩm đến nhiều người, không phải là hoạt động đơn thuần kinh doanh.

Hoạt động xuất bản nhằm mục đích:

1- Phổ biến những tác phẩm về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật; giới thiệu những di sản văn hoá dân tộc, tinh hoa văn hoá thế giới; nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, mở rộng giao lưu văn hoá với các nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2- Đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành vi làm tổn hại lợi ích quốc gia, phá hoại nhân cách, đạo đức và lối sống tốt

Điều 3. Vị trí, mục đích của hoạt động xuất bản

Hoạt động xuất bản thuộc lĩnh vực văn hóa, tư tưởng thông qua việc sản xuất, phổ biến những xuất bản phẩm đến nhiều người *nhằm giới thiệu tri thức thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội, giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại*, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, *xây dựng* đạo đức và lối sống tốt đẹp của người Việt Nam, mở rộng giao lưu văn hóa với các nước, *phát triển kinh tế - xã hội*, đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành vi làm tổn hại lợi ích quốc gia, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

đẹp của người Việt Nam.

Điều 4. (đoạn 2)

Xuất bản phẩm quy định tại Luật này là tác phẩm về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật và các sản phẩm khác được xuất bản, in, nhân bản bằng các vật liệu, phương tiện kỹ thuật khác nhau, bằng tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài, được xuất bản không định kỳ nhằm phổ biến cho nhiều người.

Điều 4. Xuất bản phẩm

Xuất bản phẩm là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài và còn được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh trên các vật liệu, phương tiện kỹ thuật khác nhau.

Tài liệu theo quy định của Luật này bao gồm tài liệu tuyên truyền, cổ động, hướng dẫn học tập, thi hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn kỹ thuật sản xuất; phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kỹ yếu hội thảo.

Điều 2

Nhà nước bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm dưới hình thức xuất bản phẩm của công dân, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, kinh tế, lực lượng vũ trang, sau đây gọi chung là công dân, tổ chức.

Nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản, trừ trường hợp cần thiết do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 8. (đoạn 1)

Không một tổ chức, cá nhân nào được cản trở quyền phổ biến tác phẩm, quyền hoạt động xuất bản hợp pháp của nhà xuất bản hoặc lợi dụng quyền phổ biến tác phẩm, quyền hoạt động xuất bản làm thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Điều 6. (đoạn 2)

Nhà nước đầu tư phát triển hệ thống thư viện; khuyến

Điều 5. Bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm và bảo hộ quyền tác giả

1. Nhà nước bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm dưới hình thức xuất bản phẩm *thông qua nhà xuất bản và bảo hộ quyền tác giả*.

2. Nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản.

3. Không một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào được lợi dụng quyền phổ biến tác phẩm làm thiệt hại lợi ích của Nhà nước, *quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân*.

Điều 6. Chính sách phát triển sự nghiệp xuất bản

1. Nhà nước có chính sách

khích và tạo điều kiện xuất bản các tác phẩm có giá trị; có chính sách ưu đãi đối với các xuất bản phẩm phục vụ các dân tộc thiểu số, thiếu niên, nhi đồng và lực lượng vũ trang.

Điều 3. (đoạn 2)

Nhà nước có chính sách tài trợ, đặt hàng, mua bản thảo đối với việc sáng tạo và phổ biến tác phẩm có giá trị; đầu tư cho việc ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng hoạt động xuất bản.

khuyến khích, tạo điều kiện xây dựng ngành xuất bản trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật phát triển toàn diện.

2. Nhà nước có chính sách đặt hàng đối với xuất bản phẩm về lý luận, chính trị; xuất bản phẩm phục vụ thiếu niên, nhi đồng, đồng bào dân tộc thiểu số, người khiếm thị; xuất bản phẩm cần phổ biến rộng rãi nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội trọng yếu và thông tin đối ngoại; trợ cước vận chuyển đối với xuất bản phẩm cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại; xuất bản phẩm phục vụ đồng bào miền núi, hải đảo.

3. Nhà nước mua bản thảo đối với những tác phẩm có giá trị nhưng thời điểm xuất bản chưa thích hợp hoặc đối tượng

Chương IV

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ XUẤT BẢN**

Điều 32. (Câu đầu Điều 32)

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trong cả nước.

Điều 33. (Câu đầu Điều 33)

Bộ Văn hoá - Thông tin là cơ quan của Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trong cả nước.

Điều 34. (Câu đầu Điều 34)

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung

sử dụng hạn chế; hỗ trợ mua bản quyền đối với tác phẩm trong nước và nước ngoài có giá trị phục vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Chính phủ quy định cụ thể việc thực hiện các chính sách quy định tại Điều này.

Điều 7. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

Các bộ, cơ quan ngang bộ phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung

ương thực hiện việc quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản ở địa phương.

Điều 32

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trong cả nước; trình dự án luật, pháp lệnh về hoạt động xuất bản; quyết định về quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản, chính sách đầu tư, tài trợ, hợp tác với nước ngoài; ban hành quyết định về quản lý nhà nước và các chính sách khác về xuất bản, in, phát hành theo thẩm quyền quy định tại Luật tổ chức Chính phủ.

Điều 33

Bộ Văn hoá - Thông tin là cơ quan của Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản

ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tại địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ.

Điều 8. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản; ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về hoạt động xuất bản.

2. Quản lý công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong hoạt động xuất bản; đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động xuất bản.

3. Quản lý hợp tác quốc tế trong hoạt động xuất bản.

4. Tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiểu.

5. Thanh tra, kiểm tra, giải

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 1993

trong cả nước, có nhiệm vụ và quyền hạn:

1- Thống nhất quản lý, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp hoạt động xuất bản dài hạn và hàng năm; quản lý việc thực hiện kế hoạch xuất bản; tổ chức việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ hoạt động xuất bản;

2- Xây dựng dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác của Chính phủ trong lĩnh vực hoạt động xuất bản; ban hành quyết định, thông tư, chỉ thị về hoạt động xuất bản;

3- Cấp, thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình, tổ chức phát hành của Nhà nước thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Cấp, thu hồi giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004

quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản.

6. *Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật trong hoạt động xuất bản; tuyển chọn và trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị cao.*

của nhà xuất bản;

Quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu huỷ xuất bản phẩm;

Đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình, tổ chức phát hành của các cơ quan nói trên khi vi phạm pháp luật;

Quyết định việc cho tổ chức, cá nhân trong nước liên doanh trong các lĩnh vực in, phát hành và việc hợp tác với nước ngoài về các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành;

4- Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ hoạt động xuất bản và các quy định của pháp luật về hoạt động xuất bản; thi hành các biện pháp để ngăn chặn những hoạt động xuất bản trái pháp luật; khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 34

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện việc quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản ở địa phương, có nhiệm vụ và quyền hạn:

1- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản, in và phát hành của địa phương;

2- Cấp, thu hồi giấy phép đối với cơ sở in, nhân bản, phát hành của tập thể, cá nhân ở địa phương theo quy định của Bộ Văn hoá - Thông tin;

3- Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc xuất bản, in, nhân bản, phát hành trên địa bàn lãnh thổ; tạm đình chỉ việc thực hiện giấy phép do cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản có thẩm quyền cấp, nếu phát hiện thấy có vi phạm và báo cáo ngay với Bộ Văn hoá - Thông tin; tịch thu, thu hồi, cấm lưu hành hoặc quyết

định tiêu huỷ xuất bản phẩm thuộc thẩm quyền theo quy định của Chính phủ.

Sở Văn hoá - Thông tin chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện việc quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản ở địa phương.

Điều 7

Công dân, tổ chức có quyền phê bình hoạt động xuất bản, xuất bản phẩm; khiếu nại, tố cáo tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Luật này; chịu trách nhiệm về việc phê bình, khiếu nại, tố cáo của mình.

Công dân, tổ chức có quyền yêu cầu nhà xuất bản, tác giả cải chính trên báo chí, khởi kiện về dân sự hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền khởi tố về hình sự, khi xuất bản phẩm có nội dung sai sự thật, vu khống, xúc phạm danh dự, nhân phẩm và làm thiệt hại lợi ích của mình.

Điều 9. *Khiếu nại, tố cáo trong hoạt động xuất bản*

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại các quyết định, hành vi trái pháp luật; cá nhân có quyền tố cáo các hành vi trái pháp luật trong hoạt động xuất bản. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khiếu nại, tố cáo của mình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản, tác giả cải chính trên báo chí, bồi thường thiệt hại, khởi kiện về dân sự hoặc yêu cầu cơ quan nhà

Điều 37

Tổ chức, cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu của đoàn thanh tra, thanh tra viên khi thanh tra cơ sở mình; có quyền khiếu nại với cơ quan thanh tra chuyên ngành về xuất bản hoặc cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản cấp trên những kết luận và xử lý của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên.

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản hoặc cơ quan thanh tra chuyên ngành về xuất bản những vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xuất bản.

Cơ quan nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

nước có thẩm quyền khởi tố về hình sự khi xuất bản phẩm có nội dung sai sự thật, vu khống, xúc phạm danh dự, nhân phẩm *hoặc* làm thiệt hại đến *quyền* và lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 22. *Nghiêm cấm các xuất bản phẩm có nội dung:*

1- Chống lại Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đoàn kết toàn dân;

2- Tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng, văn hoá phản động, lối sống dâm ô đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;

3- Tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại, bí mật đời tư của công dân và bí mật khác do pháp luật quy định;

4- Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Điều 10. *Những hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản*

1. Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Tuyên truyền, *kích động* chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; *kích động bạo lực*; truyền bá tư tưởng phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục.

3. Tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại, bí mật đời tư của *cá nhân* và bí mật khác do pháp luật quy định.

4. Xuyên tạc *sự thật* lịch sử; phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm *dân tộc*, vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống, xúc phạm uy tín của *cơ quan*, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của *cá nhân*.

Chương III

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT
ĐỘNG XUẤT BẢN**

Mục 1

XUẤT BẢN

Điều 9

Nhà xuất bản là tổ chức thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động theo đúng tính chất và mục đích quy định tại Điều 1 của Luật này.

Điều 1

Hoạt động xuất bản là hoạt động thuộc lĩnh vực văn hoá, tư tưởng thông qua việc sản xuất, phổ biến những xuất bản phẩm đến nhiều người, không phải là hoạt động đơn thuần kinh doanh.

Chương II

LĨNH VỰC XUẤT BẢN

**Điều 11. Đối tượng được
thành lập nhà xuất bản**

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác do Chính phủ quy định được thành lập nhà xuất bản.

Nhà xuất bản tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện hoặc đơn vị sự nghiệp có thu.

**Điều 12. Điều kiện thành
lập nhà xuất bản**

Việc thành lập nhà xuất bản phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ phù hợp với chức

năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản;

2. Có người lãnh đạo nhà xuất bản đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 14 và đội ngũ biên tập viên đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật này;

3. Trong các chức danh lãnh đạo nhà xuất bản phải có ít nhất một người hoạt động trong lĩnh vực xuất bản từ ba năm trở lên;

4. Có trụ sở hoạt động, vốn và các điều kiện cần thiết khác theo quy định của pháp luật;

5. Phù hợp với quy hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản toàn quốc, quy hoạch của từng ngành, từng địa phương.

Điều 10

Cơ quan chủ quản của nhà xuất bản là tổ chức đứng tên xin phép thành lập nhà xuất bản và quản lý trực tiếp nhà xuất bản. Cơ quan chủ quản có nhiệm vụ và quyền hạn:

1- Xác định và chịu trách

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chủ quản nhà xuất bản

Cơ quan chủ quản nhà xuất bản là cơ quan, tổ chức đứng tên xin phép thành lập nhà xuất bản, có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

nhiệm chỉ đạo việc thực hiện tôn chỉ, mục đích của nhà xuất bản, xét duyệt kế hoạch đề tài, kế hoạch xuất bản trên cơ sở đã có bản thảo; bảo đảm những điều kiện cần thiết để nhà xuất bản hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích;

2- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản sau khi thỏa thuận với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản.

Điều 11. (Câu cuối đoạn 3 Điều 11)

Cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản liên đới chịu trách nhiệm theo nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Điều 11

Giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản phải là công dân Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam, có đủ tiêu chuẩn

1. Xác định và chỉ đạo việc thực hiện tôn chỉ, mục đích, *phương hướng hoạt động* của nhà xuất bản; xét duyệt kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản;

2. *Cấp vốn ban đầu và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác* để nhà xuất bản hoạt động;

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản sau khi có *văn bản* thỏa thuận của Bộ Văn hoá - Thông tin;

4. *Thanh tra, kiểm tra hoạt động của nhà xuất bản theo thẩm quyền;*

5. *Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của nhà xuất bản trong hoạt động xuất bản theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình.*

Điều 14. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản

1. Giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản là công dân Việt

theo quy định của Chính phủ.

Giám đốc có trách nhiệm quản lý nhà xuất bản về mọi mặt; bảo đảm thực hiện tôn chỉ, mục đích, phục vụ đúng đối tượng của nhà xuất bản; xây dựng đội ngũ biên tập viên; ký duyệt bản thảo, bản mẫu trước khi đưa in; chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của nhà xuất bản.

Giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm của nhà xuất bản. Cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản liên đới chịu trách nhiệm theo nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Nam; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam; có trình độ đại học, trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về xuất bản và phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.

2. Giám đốc nhà xuất bản có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Bảo đảm thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của nhà xuất bản;

b) Xây dựng bộ máy tổ chức và nhân lực của nhà xuất bản;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xuất bản;

d) Ký quyết định xuất bản đối với từng bản thảo trên cơ sở kế hoạch xuất bản đã đăng ký;

đ) Ký duyệt bản thảo trước khi đưa in và ký duyệt xuất bản phẩm trước khi phát hành;

e) Định giá, điều chỉnh giá bán lẻ xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật, kể cả xuất bản phẩm liên kết;

g) Quản lý tài sản và cơ sở vật chất của nhà xuất bản;

h) Chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản và trước pháp luật về xuất bản phẩm và mọi hoạt động của nhà xuất bản.

3. Tổng biên tập nhà xuất bản có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Giúp giám đốc nhà xuất bản xây dựng kế hoạch xuất bản;

b) Tổ chức bản thảo;

c) Tổ chức biên tập bản thảo;

d) Đọc duyệt bản thảo trước khi trình giám đốc nhà xuất bản và liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm của nhà xuất bản.

Điều 15. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của biên tập viên nhà xuất bản

1. Biên tập viên nhà xuất bản là công dân Việt Nam; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam; có trình độ

đại học, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về xuất bản và phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.

2. Biên tập viên nhà xuất bản có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Được đứng tên trên xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 26 của Luật này;

b) Được khước từ biên tập những tác phẩm mà nội dung có dấu hiệu vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật này và báo cáo với giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản;

c) Chịu trách nhiệm trước giám đốc nhà xuất bản và trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm do mình biên tập.

Điều 12

Muốn thành lập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản phải có đơn gửi tới cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản có thẩm quyền được quy định tại Điều

Điều 16. Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản

1. Trước khi thành lập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản phải có hồ sơ xin cấp giấy phép gửi Bộ Văn hoá - Thông tin.

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 1993

33 của Luật này. Trong đơn phải ghi rõ:

1- Tên gọi, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, phạm vi phát hành xuất bản phẩm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản;

2- Danh sách giám đốc, tổng biên tập;

3- Trụ sở của nhà xuất bản, vốn và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm cho hoạt động xuất bản.

Điều 13

Sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản cấp giấy phép, cơ quan chủ quản hoàn thành các thủ tục thành lập nhà xuất bản thì nhà xuất bản mới được phép hoạt động.

Điều 16

Cơ quan chủ quản muốn thay đổi tên gọi, tôn chỉ, mục đích của nhà xuất bản, phải

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004

Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:

a) Đơn xin cấp giấy phép ghi tên gọi, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, giám đốc, tổng biên tập, trụ sở và vốn của nhà xuất bản;

b) *Lý lịch trích ngang của giám đốc, tổng biên tập và danh sách biên tập viên nhà xuất bản.*

2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

3. Sau khi được cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản ra quyết định thành lập nhà xuất bản và hoàn thành các thủ tục cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thay đổi cơ quan chủ quản, tên gọi của cơ quan chủ quản; thay đổi tên gọi, tôn chỉ, mục đích, đối

xin phép lại; thay đổi giám đốc, tổng biên tập, phải tuân theo khoản 2, Điều 10 của Luật này; thay đổi trụ sở nhà xuất bản thì chậm nhất là hai ngày sau khi đến trụ sở mới, phải báo cho cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản.

tượng phục vụ và trụ sở của nhà xuất bản

1. Khi thay đổi cơ quan chủ quản, tôn chỉ, mục đích của nhà xuất bản thì cơ quan chủ quản mới phải làm thủ tục xin cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản theo quy định tại Điều 16 của Luật này.

2. Khi thay đổi tên gọi của cơ quan chủ quản hoặc nhà xuất bản, thay đổi đối tượng phục vụ của nhà xuất bản thì cơ quan chủ quản phải có văn bản gửi Bộ Văn hoá - Thông tin xin đổi giấy phép.

3. Khi thay đổi trụ sở, nhà xuất bản phải thông báo bằng văn bản với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản chậm nhất là bảy ngày, kể từ ngày chuyển đến trụ sở mới.

Điều 18. Đăng ký kế hoạch xuất bản

Hàng năm, nhà xuất bản phải đăng ký kế hoạch xuất bản với Bộ Văn hoá - Thông

Điều 8. (đoạn 2)

Nhà xuất bản không được xuất bản, tái bản tác phẩm nếu không được sự đồng ý của tác giả hoặc người được thừa kế hợp pháp theo quy định của pháp luật về quyền tác giả.

Điều 17. (đoạn 1)

Việc xuất bản, tái bản, nhân bản những văn kiện, tài liệu, sách giáo khoa, giáo trình, băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình của tác giả, tổ chức nào phải được tác giả, tổ chức đó đồng ý.

Điều 18. (đoạn 1)

Nhà xuất bản thực hiện việc xuất bản, tái bản tác phẩm theo hợp đồng đã ký kết với tác giả.

Điều 19

Việc liên doanh với các tổ chức, cá nhân trong nước về in và phát hành; việc hợp tác với nước ngoài về xuất bản, in,

tin trước khi xuất bản.

Điều 19. Quyền tác giả trong lĩnh vực xuất bản

Việc xuất bản tác phẩm, tái bản xuất bản phẩm chỉ được thực hiện sau khi có hợp đồng với tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Liên kết trong lĩnh vực xuất bản

1. Nhà xuất bản được liên kết với tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, cá nhân có giấy chứng

phát hành phải được cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản có thẩm quyền cho phép và phải tuân theo các quy định khác của pháp luật.

Điều 17. (đoạn 2)

Đối với những tác phẩm trước Cách mạng tháng Tám, trong vùng tạm bị chiếm cũ và sách dịch của nước ngoài cần phải thẩm định nội dung thì nhà xuất bản và cơ quan chủ quản của nhà xuất bản phải có nhận xét, đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản

nhận đăng ký kinh doanh về in hoặc phát hành xuất bản phẩm và tổ chức có tư cách pháp nhân để tổ chức bản thảo, in và phát hành từng xuất bản phẩm.

2. Giám đốc nhà xuất bản tổ chức biên tập hoàn chỉnh và ký duyệt bản thảo trước khi đưa in, ký duyệt xuất bản phẩm liên kết trước khi phát hành.

3. Tổ chức, cá nhân liên kết với nhà xuất bản quy định tại khoản 1 Điều này được đứng tên trên xuất bản phẩm và liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với xuất bản phẩm liên kết.

Điều 21. Tác phẩm cần thẩm định nội dung trước khi tái bản

Những tác phẩm sau đây nếu nội dung có dấu hiệu vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật này thì nhà xuất bản phải tổ chức thẩm định trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản:

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 1993

có thẩm quyền tổ chức thẩm định và quyết định việc xuất bản, tái bản.

Chính phủ quy định các loại tác phẩm cần thẩm định.

Điều 18. (đoạn 4 và đoạn 5)

Những tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không có nhà xuất bản mà có tài liệu cần xuất bản không nhằm mục đích kinh doanh thì đề nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản có thẩm quyền xem xét và giải quyết theo quy định của Chính phủ.

Việc xuất bản, in, nhân bản các tài liệu, công trình nghiên cứu, giáo trình lưu hành nội bộ của các tổ chức do Chính phủ quy định.

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004

1. Tác phẩm xuất bản trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945; tác phẩm xuất bản từ năm 1945 đến năm 1954 trong vùng bị tạm chiếm;

2. Tác phẩm xuất bản từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 ở miền Nam Việt Nam không do Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam cho phép;

3. Tác phẩm xuất bản ở nước ngoài.

Điều 22. Xuất bản tài liệu không kinh doanh của cơ quan, tổ chức Việt Nam

1. Việc xuất bản tài liệu không kinh doanh của cơ quan, tổ chức Việt Nam không thực hiện qua nhà xuất bản phải được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép theo quy định sau đây:

a) Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép cho cơ quan, tổ chức ở trung ương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép cho cơ quan, tổ chức của địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương.

2. Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:

a) Đơn xin phép xuất bản ghi tên cơ quan, tổ chức xin phép, tên tài liệu, số lượng in, khuôn khổ, số trang, nội dung tóm tắt, đối tượng và phạm vi phát hành, cam kết thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép;

b) Hai bản thảo tài liệu; trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt.

3. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quy định tại khoản 1 Điều này phải cấp giấy phép; trường

hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 23. Xuất bản tác phẩm, tài liệu của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam

1. Việc xuất bản tác phẩm của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để kinh doanh tại Việt Nam phải được nhà xuất bản của Việt Nam có chức năng tương ứng thực hiện.

2. Việc xuất bản tài liệu không kinh doanh của tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam không thực hiện qua nhà xuất bản của Việt Nam phải được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép.

Hồ sơ xin cấp giấy phép được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này; đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế xin phép xuất bản phải kèm theo bản sao có công chứng giấy phép

đặt chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp.

3. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 24. Đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam

1. Việc đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và phải được Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép.

2. Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:

a) Đơn xin đặt văn phòng đại diện ghi mục đích, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, trụ sở, tên người đứng đầu văn phòng đại diện và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Văn bản xác nhận tư cách pháp nhân của nhà xuất bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

3. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

4. Văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam được giới thiệu về nhà xuất bản, sản phẩm của nhà xuất bản; xúc tiến các giao dịch về bản quyền và xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 25. Xuất bản trên mạng thông tin máy tính (Internet)

1. Việc xuất bản trên mạng thông tin máy tính phải do nhà xuất bản thực hiện và phải tuân theo quy định của Luật này.

Những xuất bản phẩm lưu

hành hợp pháp được đưa lên mạng thông tin máy tính.

2. Việc đưa xuất bản phẩm lên mạng thông tin máy tính được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 20

1- Xuất bản phẩm trên giấy phải ghi:

- Tên xuất bản phẩm, tác giả;
- Tên nhà xuất bản;
- Người chịu trách nhiệm xuất bản, người biên tập, người trình bày, người sửa bản in;
- Số đăng ký kế hoạch xuất bản;
- Tên cơ sở in, sắp chữ, chế bản;
- Số lượng bản in, ngày in xong, ngày nộp lưu chiểu, giá bán lẻ;
- Mã số phân loại.

Đối với xuất bản phẩm tái bản, ghi thêm số thứ tự của lần tái bản.

Đối với sách dịch, ghi thêm

Điều 26. Thông tin ghi trên xuất bản phẩm

1. Đối với sách và tài liệu dưới dạng sách, việc ghi thông tin được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Bìa một ghi tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản, số thứ tự của tập;

b) Trang tên sách, ngoài các thông tin quy định tại điểm a khoản này còn phải ghi thêm tên người chủ biên hoặc người dịch, người hiệu đính, số lần tái bản, năm xuất bản;

c) Đối với sách dịch, mặt sau của trang tên sách phải ghi đầy đủ tên nguyên bản, tác giả, nhà xuất bản nước ngoài, năm xuất bản; nếu sách dịch

tên nguyên bản, tác giả, ngôn ngữ của tác phẩm được dịch, nhà xuất bản nước ngoài, năm xuất bản, người dịch, người hiệu đính.

2- Xuất bản phẩm trên băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình, trên các vật liệu khác phải ghi:

- Tên xuất bản phẩm, tác giả;
- Tên tổ chức xuất bản;
- Người chịu trách nhiệm xuất bản, người biên tập;
- Chương trình gốc;
- Số đăng ký kế hoạch xuất bản;
- Số lượng bản in, ngày in xong, ngày nộp lưu chiểu, giá bán lẻ;
- Mã số phân loại.

từ ngôn ngữ khác với ngôn ngữ nguyên bản phải ghi rõ ngôn ngữ và tên người dịch bản đó;

d) Trang cuối sách ghi tên người chịu trách nhiệm xuất bản, tên người biên tập nội dung, tên người trình bày bìa, minh họa; khuôn khổ; số đăng ký kế hoạch xuất bản; số quyết định xuất bản của giám đốc nhà xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, số lượng in, tên cơ sở in, ngày nộp lưu chiểu;

đ) Bìa bốn ghi giá bán lẻ; đối với sách đặt hàng phải ghi là sách đặt hàng; đối với sách không kinh doanh phải ghi là không bán; đối với sách liên kết phải ghi tên, địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản, in hoặc phát hành.

2. Đối với xuất bản phẩm không phải là sách, tài liệu dưới dạng sách phải ghi tên xuất bản phẩm, tên nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được

phép xuất bản; số lượng in, tên cơ sở in; số quyết định xuất bản của giám đốc nhà xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản; giá bán lẻ; đối với xuất bản phẩm đặt hàng phải ghi là đặt hàng; đối với xuất bản phẩm không kinh doanh phải ghi là không bán; đối với xuất bản phẩm liên kết phải ghi tên, địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản, in hoặc phát hành.

Điều 21

Trong thời hạn hai ngày kể từ khi in xong, cơ sở in phải nộp lưu chiểu xuất bản phẩm; ít nhất là bảy ngày trước khi phát hành, nhà xuất bản phải nộp lưu chiểu xuất bản phẩm theo quy định của Chính phủ. Cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản nhận xuất bản phẩm lưu chiểu có trách nhiệm kiểm tra nội dung và xử lý kịp thời nếu phát hiện thấy vi phạm Điều 22 của Luật này.

Điều 27. Nộp xuất bản phẩm lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam

1. Tất cả xuất bản phẩm phải được nộp lưu chiểu trước khi phát hành. Việc nộp lưu chiểu xuất bản phẩm được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ít nhất mười ngày trước khi phát hành, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phải nộp ba bản cho Bộ Văn hoá - Thông tin;

trường hợp số lượng in dưới ba trăm bản thì nộp hai bản;

b) Cơ quan, tổ chức có tài liệu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản, ngoài số bản phải nộp theo quy định tại điểm a khoản này còn phải nộp hai bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Sau khi xuất bản phẩm được phát hành, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phải nộp năm bản cho Thư viện Quốc gia Việt Nam; trường hợp số lượng in dưới ba trăm bản thì nộp hai bản.

Điều 28. Đọc xuất bản phẩm lưu chiếu

1. Bộ Văn hoá - Thông tin tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiếu; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiếu do mình cấp giấy phép xuất bản.

Trong trường hợp phát hiện xuất bản phẩm vi phạm quy

định của Luật này thì Bộ Văn hoá - Thông tin, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản tổ chức thẩm định nội dung và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Văn hoá - Thông tin chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quy định chế độ thù lao cho người đọc xuất bản phẩm lưu chiếu.

Điều 29. Quảng cáo trên xuất bản phẩm

1. Đối với sách chỉ được quảng cáo về tác giả, tác phẩm, nhà xuất bản trên bìa hai, ba và bốn, trừ sách chuyên về quảng cáo.

2. Đối với tài liệu không kinh doanh chỉ được quảng cáo về sản phẩm, dịch vụ và hoạt động của cơ quan, tổ chức xuất bản tài liệu đó.

3. Không được quảng cáo hàng hoá, dịch vụ mà pháp luật cấm quảng cáo.

Chương V**KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM****Điều 39**

Giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản, tác giả, người đứng đầu cơ quan chủ quản của nhà xuất bản, cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản, cơ sở in, nhân bản, tổ chức phát hành và tổ chức, cá nhân khác vi phạm các quy định của Luật này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải cải chính trên báo chí, bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 40

Đối với xuất bản phẩm vi phạm quy định tại các điều 20, 21 của Luật này thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị tạm đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi hoặc tịch thu.

Đối với xuất bản phẩm không có giấy phép xuất bản hoặc có nội dung vi phạm Điều

Điều 30. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực xuất bản

1. Nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản có xuất bản phẩm vi phạm quy định tại các điều 10, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 25, 26, 27 và 29 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải sửa chữa mới được phát hành hoặc bị tạm đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy; trường hợp gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì phải công khai xin lỗi, cải chính trên báo chí, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân tham gia trong lĩnh vực xuất bản có xuất bản phẩm vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị tạm đình chỉ hoạt động, thu

22 của Luật này thì bị cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu hoặc tiêu hủy.

Điều 41

Tổ chức, cá nhân hoạt động xuất bản gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự.

Mục 2

IN

hồi giấy phép hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản phải chịu trách nhiệm về quyết định xử lý của mình.

Chương III

**LĨNH VỰC IN
XUẤT BẢN PHẨM**

Điều 31. Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

1. Điều kiện để cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm gồm:

a) Giám đốc hoặc chủ cơ sở in là công dân Việt Nam; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam; có nghiệp vụ về in và đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật;

b) Có mặt bằng sản xuất, thiết bị để in xuất bản phẩm;

c) Bảo đảm các điều kiện về

an ninh, trật tự;

d) Phù hợp với quy hoạch phát triển in xuất bản phẩm.

2. Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:

a. Đơn xin cấp giấy phép ghi tên, địa chỉ cơ sở in, mục đích, sản phẩm chủ yếu;

b. Tài liệu chứng minh về việc có mặt bằng sản xuất, danh mục thiết bị chính, lý lịch trích ngang của giám đốc hoặc chủ cơ sở in;

c. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở in có công chứng;

d) Bản cam kết thực hiện các điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền cấp giấy phép được quy định như sau:

a) Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép cho cơ sở in của cơ quan, tổ chức ở trung ương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép cho cơ sở in của địa phương.

Điều 24

Cơ sở in, nhân bản chỉ được in, nhân bản xuất bản phẩm có giấy phép hợp pháp. Không được in, nhân bản xuất bản phẩm mà cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản có thẩm quyền đã có quyết định thu hồi, tịch thu hoặc cấm lưu hành.

Điều 25

Cơ sở in, nhân bản chỉ được in, nhân bản xuất bản phẩm sau khi đã ký kết hợp đồng kinh tế với nhà xuất bản theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật về hợp đồng.

Việc in, nhân bản các sản

4. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quy định tại khoản 3 Điều này phải cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 32. Điều kiện nhận in xuất bản phẩm

1. Việc in xuất bản phẩm được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với xuất bản phẩm của nhà xuất bản thì phải có quyết định xuất bản của giám đốc nhà xuất bản;

b) Đối với tài liệu không kinh doanh của cơ quan, tổ chức Việt Nam không thực hiện qua nhà xuất bản thì phải có giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản;

c) Đối với tài liệu không kinh doanh của tổ chức nước ngoài,

phẩm khác do Chính phủ quy định.

tổ chức quốc tế tại Việt Nam không thực hiện qua nhà xuất bản của Việt Nam thì phải có giấy phép xuất bản do Bộ Văn hoá - Thông tin cấp;

d) Đối với xuất bản phẩm in gia công cho nước ngoài tại cơ sở in của cơ quan, tổ chức ở trung ương thì phải có giấy phép in gia công do Bộ Văn hoá - Thông tin cấp; đối với xuất bản phẩm in gia công cho nước ngoài tại cơ sở in của địa phương thì phải có giấy phép in gia công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.

2. Việc in xuất bản phẩm phải có hợp đồng. Việc in nổi bản xuất bản phẩm phải được sự đồng ý của nhà xuất bản và phải có hợp đồng.

Điều 23

Cơ sở in, nhân bản của tổ chức, cá nhân chỉ được thành lập và hoạt động sau khi có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản có thẩm quyền và hoàn thành các thủ

Điều 33. Hoạt động của cơ sở in xuất bản phẩm

1. Cơ sở in chỉ được in xuất bản phẩm sau khi được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

2. Cơ sở in chỉ được nhận in

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 1993

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004

tục khác theo quy định của pháp luật.

xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 32 của Luật này.

3. Khi thay đổi tên gọi, địa chỉ, chủ sở hữu, chia tách hoặc sáp nhập thì cơ sở in phải làm thủ tục đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

4. Khi thay đổi giám đốc hoặc chủ cơ sở in, cơ sở in phải thông báo bằng văn bản với cơ quan cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm kèm theo lý lịch trích ngang của giám đốc hoặc chủ mới của cơ sở in.

Điều 34. In gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài

1. Cơ sở in xuất bản phẩm được in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài. Việc in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài phải được Bộ Văn hoá - Thông tin hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép. Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:

a) Đơn xin cấp giấy phép ghi tên, quốc tịch người đại diện

của tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt in, tên xuất bản phẩm đặt in, số lượng in, của khâu xuất;

b) Hai bản mẫu xuất bản phẩm đặt in;

c) Bản sao giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm có công chứng.

2. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 26

Cơ sở in, nhân bản khi phát hiện tác phẩm, tài liệu có nội dung vi phạm những quy định tại Điều 22 của Luật này phải báo cáo ngay với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản. Trong trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản có quyết định đình chỉ in thì nhà xuất bản có tác phẩm, tài liệu bị

Điều 35. Phát hiện xuất bản phẩm vi phạm trong quá trình in

1. Khi phát hiện xuất bản phẩm có nội dung vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật này thì cơ sở in phải báo cáo ngay với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, đồng thời thông báo với nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân

đình chỉ in phải bồi thường thiệt hại cho cơ sở in, nhân bản. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản quyết định sai thì phải bồi thường thiệt hại cho nhà xuất bản.

Điều 39

Giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản, tác giả, người đứng đầu cơ quan chủ quản của nhà xuất bản, cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản, cơ sở in, nhân bản, tổ chức phát hành và tổ chức, cá nhân khác vi phạm các quy định của Luật này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải cải chính trên báo chí, bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 41

Tổ chức, cá nhân hoạt động xuất bản gây thiệt hại cho tổ

bản quyết định đình chỉ in xuất bản phẩm thì nhà xuất bản, *cơ quan, tổ chức, cá nhân* có xuất bản phẩm bị đình chỉ in phải bồi thường thiệt hại cho cơ sở in; nếu quyết định sai thì cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản phải bồi thường thiệt hại cho nhà xuất bản, *cơ quan, tổ chức, cá nhân* có xuất bản phẩm bị đình chỉ in.

Điều 36. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực in xuất bản phẩm

Cơ sở in, tổ chức, cá nhân tham gia trong lĩnh vực in xuất bản phẩm có hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị đình chỉ in xuất bản phẩm đang in, tạm đình chỉ hoạt động in xuất bản phẩm, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật:

1. In xuất bản phẩm không có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm;

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 1993

hức, cá nhân khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự.

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004

2. In xuất bản phẩm không có quyết định xuất bản của nhà xuất bản hoặc giấy phép xuất bản;

3. In xuất bản phẩm gia công cho nước ngoài không có giấy phép in gia công;

4. In xuất bản phẩm đã có quyết định đình chỉ in, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu huỷ;

5. In xuất bản phẩm không đúng với bản thảo đã được nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản ký duyệt; không có hợp đồng in hoặc in vượt quá số lượng ghi trong hợp đồng.

Chương IV

LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

Điều 37. Hoạt động phát hành xuất bản phẩm

1. Phát hành xuất bản phẩm bao gồm các hình thức mua, bán, phân phát, cho thuê, triển lãm, hội chợ, xuất khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm và đưa xuất bản phẩm lên mạng thông

tin máy tính (Internet) để phổ biến đến nhiều người.

2. Cơ sở phát hành xuất bản phẩm là cơ sở của tổ chức, cá nhân kinh doanh xuất bản phẩm.

Nhà xuất bản được thành lập cơ sở phát hành xuất bản phẩm.

3. Cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (sau đây gọi là cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm) phải có giấy phép hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm do Bộ Văn hoá - Thông tin cấp.

Điều 38. Cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

1. Điều kiện để cơ sở phát hành xuất bản phẩm được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm gồm:

- a) Là doanh nghiệp nhà nước;*
- b) Có nhân lực đủ trình độ ngoại ngữ, nghiệp vụ về nhập khẩu.*

2. *Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:*

a) *Đơn xin phép hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm;*

b) *Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản.*

3. *Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.*

Điều 30

Việc xuất khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm phải tuân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 39. Kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

1. *Việc nhập khẩu xuất bản phẩm được thực hiện thông qua các cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm.*

2. *Hàng năm, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu với Bộ Văn hoá - Thông tin trước khi nhập khẩu.*

3. *Giám đốc cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải tổ chức kiểm tra nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu trước khi phát*

hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm mà mình nhập khẩu.

Điều 40. Nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

Việc nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh của cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế và người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam do Chính phủ quy định.

Điều 41. Xuất khẩu xuất bản phẩm

Xuất bản phẩm của nhà xuất bản lưu hành hợp pháp khi xuất khẩu ra nước ngoài không phải xin phép cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

Điều 42. Hoạt động triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm

1. *Việc tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước*

ngoài, tổ chức quốc tế phải được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép theo quy định sau đây:

a) Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép cho cơ quan, tổ chức ở trung ương, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép cho cơ quan, tổ chức, cá nhân của địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương.

2. Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:

a) Đơn xin cấp giấy phép ghi mục đích, thời gian, địa điểm và tên các đơn vị tham gia triển lãm, hội chợ;

b) Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ.

3. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quy định tại khoản 1 Điều này phải cấp giấy phép; trường

hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm, hội chợ không có giấy phép hoặc thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép thì bị đình chỉ việc tổ chức hoặc thu hồi giấy phép.

Điều 43. Hợp tác với nước ngoài về phát hành xuất bản phẩm

1. Cơ sở phát hành xuất bản phẩm có tư cách pháp nhân được hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh để kinh doanh xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật.

2. Việc đặt văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và phải được Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép theo quy định sau đây:

a) Hồ sơ xin cấp giấy phép

gồm đơn xin cấp giấy phép hoạt động ghi mục đích, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, trụ sở, tên người đứng đầu văn phòng đại diện và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam; văn bản xác nhận tư cách pháp nhân của tổ chức xin đặt văn phòng đại diện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

b) Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hoá - Thông tin phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

3. Văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm được giới thiệu về tổ chức và sản phẩm của mình, xúc tiến các giao dịch về phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 44. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm

1. Khi phát hiện xuất bản

Điều 31

Không một tổ chức, cá nhân nào được phát hành xuất bản phẩm đã có quyết định thu

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 1993

hồi, tịch thu hoặc cấm lưu hành của cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản.

Tổ chức, cá nhân phát hành, khi phát hiện xuất bản phẩm không hợp pháp, xuất bản phẩm có nội dung vi phạm những quy định tại Điều 22 của Luật này phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản. Trong trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản có quyết định đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu xuất bản phẩm thì nhà xuất bản có xuất bản phẩm phải bồi thường thiệt hại cho tổ chức, cá nhân phát hành. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản quyết định sai thì phải bồi thường thiệt hại cho nhà xuất bản.

Điều 39

Giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản, tác giả, người đứng đầu cơ quan chủ quản của nhà xuất bản, cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản, cơ sở in, nhân bản, tổ chức phát hành

LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004

phẩm có nội dung vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật này thì cơ sở phát hành xuất bản phẩm phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

2. Cơ sở phát hành xuất bản phẩm, tổ chức, cá nhân tham gia trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm có hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị tạm đình chỉ phát hành, đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu huỷ xuất bản phẩm vi phạm, tạm đình chỉ hoạt động nhập khẩu, thu hồi giấy phép hoạt động nhập khẩu hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật:

a) Phát hành xuất bản phẩm mà việc xuất bản, in, nhập khẩu không hợp pháp;

b) Phát hành xuất bản phẩm đã có quyết định đình chỉ in, cấm lưu hành, thu hồi, tịch

và tổ chức, cá nhân khác vi phạm các quy định của Luật này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải cải chính trên báo chí, bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 41

Tổ chức, cá nhân hoạt động xuất bản gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự.

thu, tiêu hủy;

c) Bán xuất bản phẩm thuộc loại không kinh doanh;

d) Tiêu thụ, phổ biến xuất bản phẩm in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam;

đ) Nhập khẩu xuất bản phẩm không đăng ký danh mục nhập khẩu hoặc thực hiện không đúng danh mục đã đăng ký.

3. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quyết định *tạm đình chỉ phát hành*, đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu xuất bản phẩm *vi phạm* thì nhà xuất bản, *cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm* có xuất bản phẩm vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho *cơ sở phát hành*; nếu quyết định sai thì cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản phải bồi thường thiệt hại cho nhà xuất bản *hoặc cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm*.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45

Luật này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Điều 43

Luật này thay thế Sắc luật số 003-SLt, ngày 18 tháng 6 năm 1957, quy định chế độ xuất bản.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Điều 44

Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2005.

2. Luật này thay thế Luật xuất bản ngày 07 tháng 7 năm 1993.

Điều 46. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoá IX, kỳ họp thứ ba, thông qua ngày 07 tháng 7 năm 1993.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
-----------------------	----------

Phần thứ nhất

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004	7
---	----------

I. Những quan điểm chỉ đạo sửa đổi Luật xuất bản	9
II. Bố cục của Luật xuất bản năm 2004	10
III. Một số nội dung cơ bản của Luật xuất bản năm 2004	12

Phần thứ hai

SO SÁNH LUẬT XUẤT BẢN NĂM 1993 VỚI LUẬT XUẤT BẢN NĂM 2004	73
--	-----------